BỘ Y TẾ
CỤC PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS

CÁC ẤN PHẨM VỀ HIV/AIDS XUẤT BẢN TRONG GIAI ĐOẠN

2005-2011

HƯỚNG DẪN TRA CỨU NHANH CHO CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU QUỐC GIA

CDC
SAFER • HEALTHIER • PEOPLE™

fhi360
THE SCIENCE OF IMPROVING LIVES

TỔ CHỨC THAM GIA

Cục Phòng, chống HIV/AIDS (VAAC)

Nguyễn Thanh Long
Bùi Đức Dương
Phan Thị Thu Hương
Hoàng Đình Cảnh
Võ Hải Sơn
Nguyễn Việt Nga
Bùi Hoài Đức
Trần Văn Sơn
Trần Thị Bích Trà
Lê Mai Phương
Nguyễn Văn Hùng

FHI 360

Nguyễn Hà Huệ Chi
Nguyễn Cường Quốc
Lê Thị Cẩm Thúy
Nguyễn Thu Vân
Trần Thị Thanh Hà
Stephen J. Mills

Trung tâm Phòng chống và Kiểm soát bệnh tật Hoa Kỳ (CDC)

Patrick Nadol
Bruce Struminger

Ấn phẩm này được hỗ trợ theo Hiệp định hợp tác 5U2GPS004472-04 từ Trung tâm Phòng chống và Kiểm soát và Phòng ngừa bệnh tật Hoa Kỳ. Các tác giả hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung của ấn phẩm và nội dung này không nhất thiết thể hiện quan điểm chính thức của Trung tâm Phòng chống và Kiểm soát bệnh tật Hoa Kỳ cũng như FHI 360.

CÁC ẤN PHẨM VỀ HIV/AIDS XUẤT BẢN TRONG GIAI ĐOẠN

2005-2011

HƯỚNG DẪN TRA CỨU NHANH CHO CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU QUỐC GIA

Lời giới thiệu

Trường hợp nhiễm HIV đầu tiên được phát hiện tại Việt Nam vào năm 1990, qua hơn 20 năm, có thể khẳng định rằng công tác phòng, chống HIV/AIDS tại Việt Nam đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Với việc mở rộng độ bao phủ từ công tác dự phòng tới công tác chăm sóc và điều trị bệnh nhân HIV/AIDS, về cơ bản Việt Nam đã kiềm chế được tốc độ gia tăng của đại dịch, khống chế tỷ lệ nhiễm HIV trong cộng đồng dưới 0,3%. Để đạt được thành công trên, ngoài sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, sự nỗ lực của cán bộ nhân viên y tế, sự tham gia tích cực của các ban ngành, toàn thể nhân dân trong công tác phòng, chống HIV/AIDS, còn có sự đóng góp rất lớn của các nhà khoa học nghiên cứu về HIV/AIDS trong thời gian qua.

Trong giai đoạn 2005-2011, có rất nhiều đề tài nghiên cứu khoa học về HIV/AIDS cấp Nhà nước, cấp Bộ, ngành và cấp cơ sở được triển khai. Kết quả nghiên cứu đã giúp công tác lập kế hoạch, xây dựng các chương tình can thiệp, chăm sóc và điều trị đạt hiệu quả. Kết qủa nghiên cứu đã được báo cáo tại các hội nghị khoa học và đăng tải ở nhiều tạp chí khoa học trong nước và quốc tế.

Nhằm cập nhật và sử dụng tối ưu các kết quả nghiên cứu, Cục Phòng, chống HIV/AIDS, Bộ Y tế đã phối hợp với Tổ chức FHI 360 tổng hợp các ấn phẩm nghiên cứu khoa học về HIV/AIDS giai đoạn 2005-2011. Cuốn sách này được biên soạn nhằm giúp các bạn đồng nghiệp thuận tiện trong việc tra cứu cũng như chia sẻ kết quả nghiên cứu. Hy vọng cuốn sách này sẽ được sử dụng như một tài liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu trong công tác phòng, chống HIV/AIDS.

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi đã cố gắng thu thập, tổng hợp các đề tài nghiên cứu điển hình để đăng tải trong cuốn sách này. Tuy nhiên, do những nguyên nhân khách quan và chủ quan nên không thể tránh khỏi những thiếu sót. Ban biên tập rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý độc giả.

Ban biên tập trân trọng cảm ơn FHI 360, các tác giả nghiên cứu và các nhà khoa học trong nước và quốc tế đã giúp đỡ hoàn thiện cuốn tài liệu này.

Thay mặt Ban biên tập

PGS.TS. NGUYỄN THANH LONG
Thứ trưởng Bộ Y tế
Kiêm Cục trưởng Cục phòng, chống HIV/AIDS

Hướng dẫn sử dụng tài liệu

1. Mục đích của cuốn tài liệu

Cuốn tài liệu Tra cứu nhanh các nghiên cứu về HIV/AIDS tại Việt Nam giai đoạn 2005 – 2011 được biên soạn nhằm mục đích giúp các nghiên cứu viên và những người quan tâm thuận lợi trong việc tra cứu số liệu, cập nhật các kết quả nghiên cứu về HIV/AIDS một cách hiệu quả nhất.

2. Đối tượng sử dụng tài liệu

Cuốn tài liệu này được biên soạn chủ yếu dành cho:

- Các nghiên cứu viên triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học về HIV/AIDS.
- Các cán bộ đang công tác trong hệ thống phòng, chống HIV/AIDS.
- Những người quan tâm đến hoạt động nghiên cứu khoa học về HIV/AIDS.

3. Cách sử dụng tài liệu

Đây là cuốn tài liệu được biên soạn ưu tiên cho các nghiên cứu viên triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học về HIV/AIDS. Tuy nhiên, các cán bộ làm công tác quản lý hệ thống phòng, chống HIV/AIDS có thể tham khảo cuốn tài liệu này trong việc tham mưu lập kế hoạch, xây dựng chính sách, các văn bản hướng dẫn chuyên môn, chỉ đạo về công tác phòng, chống HIV/AIDS.

Tất cả các nghiên cứu khoa học về HIV/AIDS tại Việt Nam được công bố trong giai đoạn từ 2005 - 2011 đã được xét chọn bởi các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm nghiên cứu về HIV/AIDS. Sau khi tổng hợp và xét chọn, tất cả các nghiên cứu được nhập vào cơ sở dữ liệu Endnote và phân chia thành 4 chủ đề chính như sau:

- Khoa học cơ bản, bao gồm: Dịch tễ học và khoa học hành vi về HIV/AIDS.
- Dự phòng.
- Điều trị, chăm sóc và hỗ trợ.
- Lãnh đạo và quản lý.

Để có dữ liệu về các nghiên cứu, các nghiên cứu viên và các bạn độc giả quan tâm có thể liên hệ với Cục Phòng, chống HIV/AIDS (Phòng Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế), 135/3 Núi Trúc, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam.

Mục lục

I. Giới thiệu 6

II. Phương pháp 7

III. Phân bố nghiên cứu về HIV/AIDS tại Việt Nam 9

IV. Khoa học cơ bản 12

4.1 Khoa học cơ bản về HIV/AIDS 12

4.2 Dịch tễ học HIV và AIDS 13

4.3 Dịch tễ học STIs và bệnh lao 17

4.4 Khoa học hành vi liên quan đến HIV/AIDS 19

V. Dự phòng 29

5.1 Chương trình bơm kim tiêm cho người NCMT 29

5.2. Chương trình điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone (MMT) 31

5.3. Dự phòng lây truyền mẹ con 32

5.4. Dự phòng lây truyền qua đường tình dục: MSM và PNMD 34

5.5. Dự phòng cho các quần thể nguy cơ thấp khác 37

5.6. Truyền thông thay đổi hành vi 39

VI. Điều trị, chăm sóc và hỗ trợ 40

6.1 Điều trị ARV cho bệnh nhân AIDS 40

6.2 Điều trị Lao/HIV và nhiễm trùng cơ hội 44

6.3 Kháng thuốc 47

6.4. Chăm sóc, hỗ trợ và ngăn chặn sự kỳ thị và phân biệt đối xử với người nhiễm HIV 49

VII. Lãnh đạo và quản lý 55

7.1 Khoa học quản lý trong dự phòng và kiểm soát HIV/AIDS 55

7.2 Huy động cộng đồng trong dự phòng và kiểm soát HIV/AIDS 57

7.3 Kinh tế y tế và HIV/AIDS 57

7.4. Ảnh hưởng của HIV/AIDS đến sự phát triển kinh tế xã hội 58

Các nguồn thông tin 60

Danh mục chữ viết tắt

ART	Điều trị kháng retro virut
AIDS	Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải
ARV	Thuốc kháng retro virut
CDC	Trung tâm phòng ngừa và kiểm soát bệnh tật Hoa Kỳ
HAIVN	Sáng kiến viện trợ từ trường Y đại học Harvard tại Việt Nam
HIV	Virut gây suy giảm miễn dịch ở người
MMT	Điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone
MSM	Nam quan hệ tình dục đồng giới
NCMT	Nghiện chích ma túy
NGO	Tổ chức phi chính phủ
NNRTI	Ức chế men sao chép ngược không nucleoside
NRTI	Ức chế men sao chép ngược nucleoside
PEPFAR	Kế hoạch viện trợ khẩn cấp của Tổng thống Hoa Kỳ cho chương trình phòng chống HIV/AIDS
PLHIV	Người nhiễm HIV
PNMD	Phụ nữ mại dâm
UNAIDS	Chương trình phối hợp của Liên hợp Quốc về HIV/AIDS
USAID	Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ
VAAC	Cục Phòng, chống HIV/AIDS Việt Nam
VCT	Tư vấn xét nghiệm tự nguyện
WHO	Tổ chức Y tế thế giới

I. Giới thiệu

Ước tính và dự báo tình hình dịch HIV/AIDS tại Việt Nam cho thấy khoảng 311.000 người nhiễm HIV trong năm 2010[1]. Dịch HIV vẫn còn trong giai đoạn tập trung, với tỷ lệ hiện nhiễm cao nhất trong các quần thể người nghiện chích ma túy (NCMT), phụ nữ mại dâm (PNMD) và nam quan hệ tình dục đồng giới (MSM). Tuy nhiên, nhiều tài liệu cũng cho thấy số lượng các ca mới nhiễm đang tăng lên trong các quần thể nguy cơ thấp hơn .

Trong 20 năm qua, chính phủ Việt Nam đã phối hợp với các cơ quan địa phương và các tổ chức quốc tế với những nỗ lực to lớn trong cuộc chiến chống lại dịch HIV. Gần đây, việc mở rộng quy mô của chương trình điều trị kháng virus (ART) bắt đầu vào năm 2005 cùng với việc mở rộng nhanh các chương trình giảm tác hại, đặc biệt là thí điểm điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone (MMT) trong năm 2008, đã phản ánh nỗ lực và minh họa những cam kết quốc gia trong phòng,chống HIV/AIDS. Trong bối cảnh đó, các nghiên cứu về HIV/AIDS đã chứng minh tầm quan trọng trong việc cập nhật tình hình dịch, chỉ đạo các chương trình phòng chống HIV/AIDS, góp phần vào sự phát triển của chiến lược phòng chống HIV/AIDS.

Phù hợp với kế hoạch chiến lược quốc gia, mục tiêu của Hướng dẫn tra cứu nhanh này là xem xét các nghiên cứu về HIV/AIDS hiện có tại Việt Nam, từ đó xác định các ưu tiên nghiên cứu trong giai đoạn tiếp theo của công tác phòng, chống HIV/AIDS.

[1] Vietnam Authority of HIV/AIDS Control, Vietnam HIV/AIDS estimates and projections 2007-2012. Available at http://www.unaids.org.vn/images/stories/EPP%20report%20EN.pdf

II. Phương pháp

Hướng dẫn tra cứu nhanh tập trung vào tất cả các nghiên cứu về HIV/AIDS tại Việt Nam, được công bố quốc tế và quốc gia từ năm 2005 đến 2011. Định dạng khác nhau của các ấn phẩm nghiên cứu được đưa vào xem xét, bao gồm các bài báo, các tài liệu hội thảo, các báo cáo và đánh giá, không bao gồm các nghiên cứu đang tiến hành, ngoại trừ các nghiên cứu đã báo cáo kết quả sơ bộ. Nghiên cứu được thu thập qua ba nguồn khác nhau sau đây:

- Chúng tôi tiến hành truy vấn cơ sở dữ liệu bằng cách tìm kiếm trên các cơ sở dữ liệu điện tử sau đây: 1) PUBMED 2) Hội nghị quốc tế về AIDS năm 2008 và 2010; và 3) Hội nghị quốc tế về AIDS tại châu Á Thái Bình Dương năm 2007 và 2009. Chiến lược tìm kiếm được thay đổi khi cần để phù hợp với từng cơ sở dữ liệu cụ thể. Để thực hiện tìm kiếm rộng nhất có thể, chúng tôi sử dụng thuật ngữ tìm kiếm "HIV và Việt Nam" trong PUBMED và từ khóa "Việt Nam" khi tìm kiếm trong hội nghị quốc tế .
- Chúng tôi thu thập tất cả các bài tóm tắt của Hội nghị khoa học quốc gia về HIV/AIDS lần thứ 4 tại Hà Nội , tháng 12 năm 2010. Đây là hội nghị lớn nhất về HIV/AIDS tại Việt Nam, tổ chức 5 năm một lần .
- Một thông báo về Hướng dẫn tra cứu nhanh cho nghiên cứu về HIV/AIDS tại Việt Nam đã được gửi lên mạng lưới các tổ chức phi chính phủ. Thông báo này mời các tổ chức, cá nhân nộp các "tài liệu xám", là các tài liệu chưa được công bố trên các nguồn nói trên nhưng vẫn có đóng góp đáng kể trong nghiên cứu HIV/AIDS tại Việt Nam. Tài liệu xám bao gồm báo cáo đánh giá kỹ thuật, hoặc các tài liệu làm việc về HIV/AIDS trong giai đoạn từ năm 2005 -2011.

Tất cả các bài báo được nhận xét bởi chuyên gia, tóm tắt, báo cáo kỹ thuật và đánh giá có liên quan được công bố trong giai đoạn từ 2005-2011, được thu nhận. Sau khi được thu thập, tất cả các nghiên cứu được nhập vào cơ sở dữ liệu Endnote và phân vào một trong bốn loại chính, tương ứng với bốn phần của Hội nghị Khoa học Quốc gia về HIV/AIDS lần thứ 4 như sau:

- Khoa học cơ bản, bao gồm dịch tễ học và hành vi về HIV/AIDS
- Dự phòng
- Điều trị, chăm sóc và hỗ trợ
- Lãnh đạo và quản lý.

Nếu một bài báo đủ tiêu chuẩn cho nhiều hơn một thể loại, bài viết sẽ được đặt trong thể loại có liên quan gần nhất đến mục tiêu tổng thể của bài viết. Trích xuất dữ liệu từ mỗi tóm tắt bao gồm: loại nghiên cứu, tác giả, câu hỏi nghiên cứu, quần thể nghiên cứu, phương pháp luận, phát hiện chính và kết luận.

Trong mỗi loại, các nghiên cứu được liệt kê theo trình tự sau: các tài liệu từ PubMed, các bài trình bày tại các hội thảo quốc tế, bài trình bày tại các hội thảo trong nước và tài liệu xám từ các tổ chức.

III. Phân bố nghiên cứu về HIV/AIDS tại Việt Nam

Chúng tôi tìm thấy 530 nghiên cứu và phân bố các nghiên cứu theo loại ấn phẩm và nội dung được trình bày trong hình 1.

Hình 1: Phân bố của nghiên cứu về HIV/AIDS theo loại ấn phẩm và nội dung.

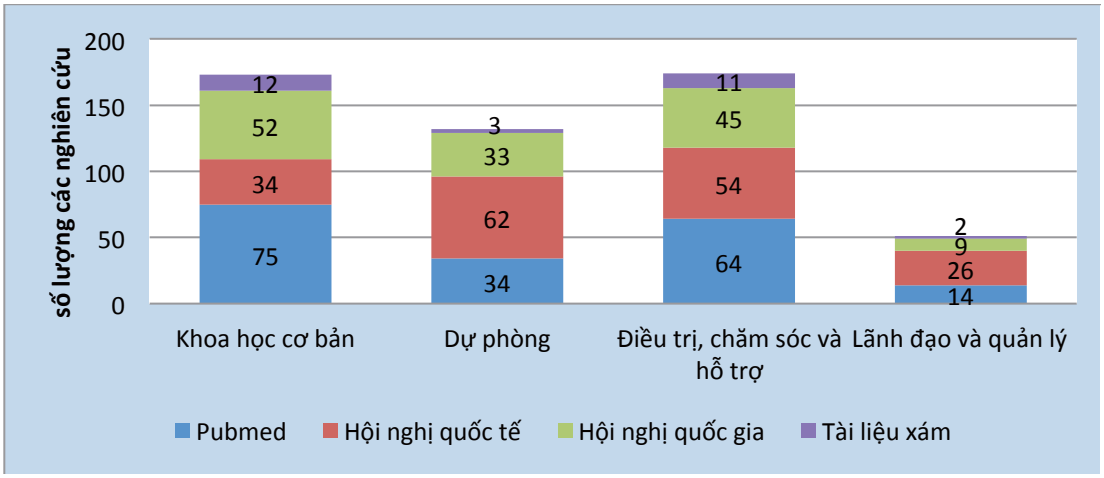

Phần lớn các nghiên cứu đã được tiến hành trong lĩnh vực khoa học cơ bản và chăm sóc và điều trị. Tương tự như vậy, lĩnh vực khoa học cơ bản và điều trị cũng có số lượng bài báo cao hơn đáng kể.

Ma trận nghiên cứu HIV được phát triển dựa trên phương pháp của Anstee và các cộng sự [2], trong đó xác định nghiên cứu về HIV thông qua phân loại theo chủ đề các kết hợp có thể có của các hoạt động dự phòng và các nhóm nguy cơ khác nhau. Ma trận nghiên cứu HIV nhằm mục đích xác định các khoảng trống trong nghiên cứu về HIV. Ma trận có 15 cột, tương đương với 15 hoạt động dự phòng khác nhau . Có 16 hàng, đại diện cho cả hai nhóm quần thể nguy cơ cao và nguy cơ thấp.

Trong tổng số 530 nghiên cứu đề cập trong Hướng dẫn tra cứu nhanh này, chúng tôi loại trừ 35 nghiên cứu về điều trị bệnh lao, bệnh lây truyền qua đường tình dục và bội nhiễm và 18 bài viết về kinh tế y tế và tác động của HIV/AIDS đến phát triển kinh tế - xã hội. Ma trận nghiên cứu HIV, cuối cùng, bao gồm 477 nghiên cứu. Những nghiên cứu này sau đó được sàng lọc và phân loại vào các ô thích hợp.

[2] Anstee S, Price A, Young A, Barnard K, Coates B, Fraser S, Moran R. Developing a matrix to identify and prioritise research recommendations in HIV prevention. BMC Public Health. 2011;11:381

Theo ma trận, dịch tễ học của HIV và các hành vi nguy cơ trên gần như tất cả các quần thể nguy cơ cao và nguy cơ thấp đã được nghiên cứu sâu rộng. Ma trận này cũng nêu bật một số những khoảng trống quan trọng, có thể hữu ích cho các hướng nghiên cứu trong tương lai:

- Phòng ngừa trong nhóm MSM: Đây là nhóm có tỷ lệ nhiễm HIV ngày càng tăng, tuy nhiên lại khó tiếp cận. Nhiều nghiên cứu đang thực hiện để điều tra các phương pháp tiếp cận nhóm quần thể ẩn này, trong đó việc sử dụng internet được đánh giá cao.
- Nghiên cứu đã bắt đầu điều tra về lây nhiễm HIV và hành vi nguy cơ của các quần thể di động, khách hàng của gái mại dâm và dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy các nghiên cứu can thiệp trên các nhóm này có số lượng còn hạn chế .
- Dự phòng trong quần thể nguy cơ thấp mới chỉ hạn chế trong giáo dục, không tìm thấy các can thiệp khác.

Hình 2: Ma trận nghiên cứu HIV, tổng cộng 477 nghiên cứu

Dự phòng / Nhóm nguy cơ	Dịch tễ học HIV	Dịch tễ học STI, lao	Di truyền học	Hành vi	Giáo dục & truyền thông thay đổi hành vi	Bơm kim tiêm	Bao cao su	Xét nghiệm	MMT	Dự phòng kết hợp	Điều trị ARV	Dịch vụ chăm sóc sức khỏe	Pháp luật, đạo đức/ Chính sách	Sự kỳ thị	Khác	Tổng số
HIV dương tính		8	8	4				1			74	33		31		**159**
NCMT	14	1		29	4	4		2	10	11			1		5	**81**
Phụ nữ mại dâm	3	6		22	2		1	1		1		2	2		1	**41**
MSM	7			15	1					2				1	2	**28**
Kết hợp nhiều nhóm nguy cơ cao	7				2		1	6		1		1			2	**20**
Phụ nữ mang thai / lây truyền mẹ con				8				10		6	4				5	**33**
Vợ hoặc chồng của người nhiễm HIV	2															**2**
Quần thể di động				4	1			1		1			4			**11**
Khách hàng của gái mại dâm	1			3												**4**
Vợ hoặc chồng của người NCMT				6						3						**9**
Dân tộc thiểu số	2														1	**3**
Thanh niên				12	7			1							5	**25**
Khách hàng của dịch vụ y tế	4			4												**8**
Chính phủ, nhân viên y tế					4								4		2	**10**
Dân số nói chung	3	8		7	6			2		2			14		4	**46**
Khác				1												**1**
Tổng số	**43**	**23**	**8**	**115**	**27**	**4**	**2**	**24**	**10**	**27**	**78**	**36**	**25**	**32**	**27**	**477**

IV. Khoa học cơ bản

4.1 Khoa học cơ bản về HIV/AIDS

Khía cạnh di truyền học về HIV/AIDS tại Việt Nam đã được điều tra trong chín nghiên cứu, cho thấy sự sự lưu hành chủ đạo của HIV-1 tại Việt Nam và phổ biến là HIV-1 CRF01_AE [1-9].

1. Nouhin J, Donchai T, Hoang KT, Ken S, Kamkorn J, Tran T, et al. Natural polymorphisms of HIV-1 CRF01_AE integrase coding region in ARV-naive individuals in Cambodia, Thailand and Vietnam: an ANRS AC12 working group study. Infect Genet Evol. 2011;11(1):38-43. (Abstract)
2. Trinh QD, Pham NT, Lam BQ, Le TP, Truong KH, Le TQ, et al. Subtyping and env C2/V3 sequence analysis of HIV-1 isolated from HIV-infected children hospitalized in Children Hospital 1, Vietnam during 2004-2005. J Trop Pediatr. 2009;55(6):399-401. (Abstract)
3. Liao H, Tee KK, Hase S, Uenishi R, Li XJ, Kusaqawa S, et al. Phylodynamic analysis of the dissemination of HIV-1 CRF01_AE in Vietnam. Virology. 2009;391(1):51-6. (Abstract)
4. Lazaro E, Theodorou I, Legrand E, recordon-Pinson P, Boucher S, et al. Sequences of clustered epitopes in Gag and Nef potentially presented by predominant class I human leukocyte antigen (HLA) alleles A and B expressed by human immunodeficiency virus type 1 (HIV-1)-infected patients in Vietnam. AIDS Res Hum Retroviruses. 2005;21(6):586-91. (Abstract)
5. Li L, Liang S, Chen L, Liu W, Li H, Liu Y, et al. Genetic characterization of 13 subtype CRF01_AE near full-length genomes in Guangxi, China. AIDS Res Hum Retroviruses. 2010; 26(6):699-704. (Abstract)
6. Phan TT, Ishizaki A, Phung DC, Bi X, Oka S, Ichimura H. Characterization of HIV type 1 genotypes and drug resistance mutations among drug-naive HIV type 1-infected patients in Northern Vietnam. AIDS Res Hum Retroviruses. 2010;26(2):233-5. (Abstract)
7. Tran TTH. HIV-1 genotypes in northern Viet Nam during 2002-2007 and the phylogenetic relation to HIV-1 in neighboring counties. J Pract Med. 2010;742,743:50-53.
8. Nguyen TL, et al. Development of in-house realtime RT PCR for HIV-1 viral load. J Pract Med. 2010;742,743:7-11.
9. Phan TTC, et al. Characteristics of HIV-1 genotype and drug resistance in untreated HIV patients in the North of Vietnam. J Pract Med. 2010;742,743:40-44.

4.2 Dịch tễ học HIV và AIDS

Dịch AIDS tại Việt Nam vẫn còn trong giai đoạn tập trung, với tỷ lệ hiện nhiễm cao nhất trong nhóm quần thể nghiện chích ma túy (NCMT), phụ nữ mại dâm (PNMD) và nam quan hệ tình dục đồng giới (MSM). Dịch HIV có thể đã bắt đầu ổn định, như đã được được chỉ ra ở xu hướng ổn định về tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong nhóm NCMT và PNMD trong những năm gần đây. Khảo sát trong tất cả các quần thể nguy cơ cao đã chứng minh những xu hướng này [10-16].

10. Tuan NA, Knut F, Bui DT, Nguyen TH, Nguyen TL, Nguyven VK, et al. Human immunodeficiency virus (HIV) infection patterns and risk behaviours in different population groups and provinces in Viet Nam. Bull WHO. 2007;85(1):35-41. (Abstract)(Full text)
11. UNAIDS report focuses on Asia and cites growing epidemic in the East, particularly China, Indonesia, Vietnam. HIV has spread to all 31 China provinces. AIDS Alert. 2005; 20(8):suppl 1-3. (Abstract)
12. Herington J, Securitization of infectious diseases in Vietnam: the cases of HIV and avian influenza. Health Policy Plan. 2010l;25(6):467-75. (Abstract) (Full text)
13. Tran VH, Mills SJ, Nguyen TA, Nguyen TD, Nguyen HT, Bui TD. Community-based HIV, STI risk behavior estimates from 2006 Biological-Behavioral Survey in Vietnam. 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug. 19-23; Colombo, Sri Lanka.
14. Tran VH, Nguyen TD, Le TTL, Mills SJ, Brown T. HIV epidemic in Ho Chi Minh City, Vietnam: an estimation and projection to 2010. 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug. 19-23; Colombo, Sri Lanka.
15. Nguyen DC, Tran TBT. HIV prevalence among high risk populations in Ha Noi during 10 years period (1996-2005). J Pract Med. 2010;742,743:26-29.
16. Truong TM, Tran VT, Nguyen VQB. Characteristics of the HIV/AIDS epidemic in Khanh Hoa province, 1993-2009. J Pract Med. 2010;742,743:11-18.

Cụ thể, quần thể NCMT tại Việt Nam đã bị ảnh hưởng nặng nề bởi HIV và AIDS, chủ yếu là do hành vi tiêm chích và tình dục của họ. Kết quả các nghiên cứu cho thấy tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong quần thể NCMT từ 20-46%, tùy thuộc vào địa điểm khảo sát và phương pháp lấy mẫu [17-28]. Phần lớn các nghiên cứu là nghiên cứu cắt ngang. Nghiên cứu cũng xem xét cộng đồng người NCMT tại khu vực biên giới và các khu vực vùng cao, là các khu vực tập trung sử dụng và buôn bán ma túy.

17. Des Jarlais DC, Johnston P, Friedmann P, Kling R, Liu W, Ngu D, et al., Patterns of HIV prevalence among injecting drug users in the cross-border area of Lang Son Province, Vietnam, and Ning Ming County, Guangxi Province, China. BMC Public Health. 2005;5:89. (Abstract)(Full text)

18. Higgs P, Yohannes K, Hellard M, Maher L. Factors influencing a self-limiting HIV outbreak among ethnic Vietnamese injecting drug users in Melbourne, Australia. Qual Health Res. 2009;19(12):1690-701. (Abstract)(Full text)
19. Hellard ME, Nguyen OK, Guy RJ, Jaradine D, Mijch A, Higgs PG. The prevalence and risk behaviours associated with the transmission of blood-borne viruses among ethnic-Vietnamese injecting drug users. Aust NZ J Public Health. 2006;30(6):519-25. (Abstract)(Full text)
20. Tran TM, Nguyen HT, Yatsuya H, Hamajima N, Nishimura A, Ito K. HIV prevalence and factors associated with HIV infection among male injection drug users under 30: a cross-sectional study in Long An, Vietnam. BMC Public Health. 2006l;6:248. (Abstract)(Full text)
21. Higgs P, Kefle Y, Hellard M, Maher L. Self-limiting HIV outbreak among ethnic Vietnamese injecting drug users in Australia: a qualitative study. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
22. Quan VM, Go VG, Ngoc NP, Ha TV, Celentano DD, Mo TT, et al. Premature deaths among Vietnamese injection drug users: predictors and prevention. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
23. Natalie KLR, Tran LG, Weinhauer K. Addressing the dual epidemic of HIV and drug use in Lang Son, Vietnam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
24. Hoang HP. HIV prevalence and knowldege, attitudes and risk behaviors of HIV transmission among IDUs in Ninh Binh in 2009. J Pract Med. 2010;742,743:127-131.
25. Tran VH, et al. HIV infection trends among injecting drug users in Vietnam: considerations from the results of HIV/STI Integrated Biological and Behavioral Surveillance 2006-2009. J Pract Med. 2010;742,743:277-281.
26. Pham TD, HIV infections among injecting drug users in 05/06 center in Da Nang city. J Pract Med. 2010;742,743:87-91.
27. Nguyen TL, et al. HIV prevalence and risk behaviors among IDUs in areas receiving supports from World Bank in Cao Bang province in 2010. J Pract Med. 2010;742,743:200-203.
28. Phan TTH, Nguyen TL. HIV prevalence and risk behaviors of HIV transmission among minority ethnic IDUs in Quan Hoa, Thanh Hoa. J Pract Med. 2010;742,743:266-271

Tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong nhóm phụ nữ mại dâm được ước tính ở mức 2% đến 29% [29-31]. Nghiên cứu phân biệt giữa phụ nữ mại dâm đường phố và phụ nữ mại dâm nhà hàng, trong đó phụ nữ mại dâm nhà hàng thường có tỷ lệ hiện nhiễm HIV thấp hơn. Sử dụng ma túy là một yếu tố quan trọng liên quan đến lây nhiễm HIV trong quần thể PNMD.

29. Tran TN, Detels R, Long HT, Van Phung L, Lan HP. HIV infection and risk characteristics among female sex workers in Hanoi, Vietnam. J Acquir Immun Defic Syndr. 2005;39(5):581-6.(Abstract)(Full text)

30. Thuong, NV, Nhung VT, Nqhia KV, Tram LT, O'Farrell N. HIV in female sex workers in five border provinces of Vietnam. Sex Transm Infect. 2005;81(6):477-9. (Abstract)(Full text)
31. Lai KA, et al. Behavioral research and biological indicators of HIV/STIs in FSWs groups in Can Tho, 2006-2007. J Pract Med. 2010;742,743:214-223.

MSM tại Việt Nam được phân loại theo xu hướng tình dục hoặc nhân dạng riêng của họ. Xu hướng tình dục chia MSM thành ba loại khác nhau, bao gồm: đồng tính, lưỡng tính và tình dục khác giới. Đa số các MSM ở Việt Nam là đồng tính, hay nói cách khác, có quan hệ tình dục với nam giới nhiều hơn phụ nữ (43% -92%). MSM tự nhận mình là "Bóng lộ", "Bóng kín" hay nam giới. Ít hơn 20% cho biết họ có xu hướng là "Bóng lộ", và hầu hết trong số họ nghĩ rằng họ là "Bóng kín" hay nam giới. Tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong các quần thể MSM khác nhau tại Việt Nam là khác nhau, dao động từ 0% đến gần 20% [32-37].

32. de Lind van Wijngaarden JW, Brown T, Girault P, Sarkar S, van Griensven F. The epidemiology of human immunodeficiency virus infection, sexually transmitted infections, and associated risk behaviors among men who have sex with men in the Mekong Subregion and China: implications for policy and programming. Sex Transm Dis. 2009;36(5):319-24.
33. Nguyen TA, Nguyen HT, Le GT. Detels R. Prevalence and risk factors associated with HIV infection among men having sex with men in Ho Chi Minh City, Vietnam. AIDS Behav. 2008;12(3):476-82.
34. Colby D, Minh TT, Toan TT. Down on the farm: homosexual behaviour, HIV risk and HIV prevalence in rural communities in Khanh Hoa province, Vietnam. Sex Transm Infect. 2008;84(6):439-43.
35. Ton TT, Nguyen VH. HIV prevalence among MSM in Khanh Hoa Province, Vietnam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
36. Nguyen AT, et al. HIV prevalence increased among MSM population: Results from HIV/STI Integrated Biological and Behavioral Surveillance (IBBS) in Vietnam in 2009. J Pract Med. 2010;742,743:281-285.
37. Harvard Medical School Aids Initiative in Vietnam (HAIVN). Results of research on MSW in Ho Chi Minh City. 2010; Brookline (MA): HAIVN.

Gần đây, việc giám sát đã chuyển trọng tâm sang các quần thể bắc cầu, ví dụ như bạn tình thường xuyên của người nhiễm HIV, khách hàng nam giới của phụ nữ mại dâm và bạn tình của họ, và quần thể di động (lái xe tải, thương nhân biên giới và ngư dân) . Tỷ lệ hiện nhiễm HIV từ dao động từ 0-2.5% trong các quần thể di động và 0,3-0,7% trong dân số nói chung (từ khảo sát hộ gia đình) [38-49].

38. Nguyen NT, Nguyen HT, Trinh HQ, Mills SJ, Detels R. Clients of female sex workers as a bridging population in Vietnam. AIDS Behav. 2009;13(5):881-91. (Abstract)(Full text)

39. Nguyen TA, Oosterhoff P, Hardon A, Tran HN, Coutinho RA, Wright P. A hidden HIV epidemic among women in Vietnam. BMC Public Health. 2008;8:37. (Abstract)(Full text)
40. Tuan NA, Ha NT, Diep VT, Thang PH, Long NT, Huong PT, et al. Household survey in two provinces in Viet Nam estimates HIV prevalence in an urban and a rural population. AIDS Res Hum Retroviruses. 2008 Aug;24(8):1017-26. (Abstract)
41. Nguyen B. HIV prevalence among spouses and regular partners of HIV-positive pregnant women who seek antenatal care and delivery services at Tu Du Obstetric Hospital, HCMC, Vietnam between 2008 and 2009. XVIII International AIDS Conference; 2010 Jul 18-23; Vienna, Austria. (Abstract)
42. Nguyen AT, et al. The prevalence of HIV and syphilis infection and sexual behavior among ethnic minority group aged 15-49 in 11 provinces—Vietnam. J Pract Med. 2010;742,743:29-39.
43. Nguyen AT, Bach KH, Chu TH. HIV prevalence among blood donors in the Central Hematology and Blood Transfusion Hospital in 2003-2009. J Pract Med. 2010;742,743:23-25.
44. Tran TKD, et al. Study on prevalence of HIV infection between husband/wife and children of people living with HIV in Khanh Hoa province. J Pract Med. 2010;742,743:19-22.
45. Nguyen TH. HIV prevalence among patients received surgery at Viet Duc hospital from 2005-2009. J Pract Med. 2010;742,743:450-453.
46. Vu TMH. HIV transmission in Vietnam—Laos border areas: current status and solutions. J Pract Med. 2010;742,743:543-546.
47. Phan TTH, Nguyen TL, Nguyen BC, The prevalence of HIV and syphilis infection and sexual behavior among Thai people in Thanh Hoa, Vietnam. J Pract Med. 2010;742,743:271-277.
48. Tran HG, et al. HIV/AIDS infection on in-patients and out-patients at NHDV from 2006 to 2010. J Pract Med. 2010;742,743:53-60.
49. Luc DL, et al. HIV/AIDS prevalence among clients at counseling office, Thu Dau Mot town, Binh Duong province in 2009. J Pract Med. 2010;742,743:224-225.

Mặc dù thông tin về tỷ lệ hiện nhiễm sẵn có cho cả các quần thể nguy cơ cao và nguy cơ thấp, thông tin về tỷ suất nhiễm mới HIV vẫn còn hạn chế với chỉ hai nghiên cứu giải quyết vấn đề này. Một nghiên cứu báo cáo tỷ suất nhiễm mới HIV là 5,2 trường hợp trên 100 người-năm trong quần thể NCMT [50]. Nghiên cứu còn lại về tỷ suất nhiễm mới HIV trong nhóm NCMT vùng biên giới cho thấy tỷ lệ này giảm đáng kể sau các can thiệp dự phòng (từ 46% xuống 23% ở Lạng Sơn, Việt Nam và từ 17% xuống 11% ở Ning Ming, Trung Quốc) [51].

50. Quan VM, Minh NL, HaTV, Ngoc NP, Vu PT, Celentano DD, et al. Mortality and HIV transmission among male Vietnamese injection drug users. Addiction. 2011 Mar;106(3):583-9.

51. Hammett TM, Des Jarlais, DC, Kling R, Kieu B, Doan N, et al. Seven years of cross-border HIV prevention interventions, Vietnam and China: two estimation methods reveal sharp declines in HIV incidence among injection drug users. XVIII International AIDS Conference; 2010 Jul 18-23; Vienna, Austria.

Tương tự như vậy, có rất ít thông tin về kích thước của các quần thể nguy cơ cao tại Việt Nam. Ước tính số lượng quần thể mục tiêu như phụ nữ mại dâm, nghiện chích ma tuý hoặc MSM theo từng tỉnh có ý nghĩa cực kỳ quan trọng cho việc lập kế hoạch và ước tính độ bao phủ của các hoạt động dự phòng. Chỉ có một nghiên cứu giải quyết vấn đề này, với ước tính có khoảng 9.800 MSM tại Hà Nội [52].

52. Nguyen Q, Schoenback V, Bennett T, Kalsbeek W, Miller W, Huynh P, et al. Estimating the number of men who have sex with men in Ha Noi, Viet Nam by the capture-recapture method. XVII International AIDS Conference; 2010 Jul 18-23; Vienna, Austria.

4.3. Dịch tễ học STIs và bệnh lao

Tỷ lệ hiện nhiễm STI được ước tính riêng rẽ hoặc kết hợp với khảo sát dịch tễ học HIV. Các STIs được kiểm tra khác nhau, bao gồm Chlamydia, bệnh lậu, giang mai, herpes simplex tuýp 2 (HSV-2), mycoplasma genitalium, nhiễm trichomonas, candida, hoặc bệnh lây truyền qua đường tình dục nói chung. Hầu hết các nghiên cứu tìm hiểu về STIs trong nhóm PNMD, trong khi một số nghiên cứu khác xem xét đối tượng là các khách hàng nam giới, MSM, NCMT, phụ nữ mang thai và phụ nữ đã kết hôn trong độ tuổi sinh đẻ.

Tỷ lệ hiện nhiễm STIs trong nhóm PNMD là cao nhất: dao động từ 8-48% cho Chlamydia, 11-30% cho bệnh lậu, 2-4% cho giang mai và khoảng 5-33% dương tính với kháng thể kháng HSV-2 [53-58]. DNA của HPV được phát hiện trong 85% PNMD tham gia nghiên cứu và một nửa trong số họ mang loại có khả năng gây ung thư.

53. Nguyen TV, Van Khuu N, Thi Le TT, Nguyen AP, Cao V, Tham DC, et al. Sexually transmitted infections and risk factors for gonorrhea and chlamydia in female sex workers in Soc Trang, Vietnam. Sex Transm Dis. 2008 Nov;35(11):935-40. (Abstract)(Full text)
54. Nguyen VT, Nguyen TL, Nguyen DH, Le TT, Vo TT, Cao TB, et al. Sexually transmitted infections in female sex workers in five border provinces of Vietnam. Sex Transm Dis. 2005;32(9):550-6. (Abstract)(Full text)
55. Hernandez BY, Vu Nguyen T. Cervical human papillomavirus infection among female sex workers in southern Vietnam. Infect Agent Cancer. 2008 Apr 23;3:7. (Abstract)(Full text)
56. O'Farrell N, Thuong NV, Nghia KV, Tram LT, Long NT. HSV-2 antibodies in female sex workers in Vietnam. Int J STD AIDS. 2006 Nov;17(11):755-8. (Abstract) (Full text)

57. Nguyen TV, Khuu NV, Nguyen AP, Truong LXT, Detels R. Correlates of asymptomatic chlamydial and/or gonorrheal cervical infection among Vietnamese female sex workers. XVII AIDS International Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
58. Ly VS, et al. STIs prevalence among female staffs in entertainment facilities in Hue City in 2009. J Pract Med. 2010;742,743:62-66.

Tỷ lệ hiện nhiễm STIs trên nhóm NCMT thấp hơn đáng kể: 9% cho Chlamydia, 0% cho bệnh lậu, 1% giang mai, và 22% cho HSV-2 [59] . Tỷ lệ hiện nhiễm bất kì một STI nào trong số các phụ nữ đã kết hôn trong độ tuổi sinh đẻ khoảng 37% [61]. Xét nghiệm HSV-2 trên tất cả các quần thể cho thấy tỷ lệ hiện nhiễm cao, ngay cả ở trong các nhóm nguy cơ thấp: 9 -33% trong số các khách hàng của gái mại dâm, 18,5% ở phụ nữ mang thai [62].

59. Go VF, Frangakis C, Nam le V, Bergenstrom A, Sripaipan T, Zenilman JM, et al. High HIV sexual risk behaviors and sexually transmitted disease prevalence among injection drug users in Northern Vietnam: implications for a generalized HIV epidemic. J Acquir Immune Defic Syndr. 2006 May;42(1):108-15. (Abstract) (Full text)
60. Olsen B, et al. Population-based assessment of Mycoplasma genitalium in Vietnam—low prevalence among married women of reproductive age in a rural area. J Eur Acad Dermatol Venereol. 2009 May;23(5):533-7. (Abstract) (Full text)
61. Lan PT, Lundborg CS, Phuc HD, Sihavong A, Unemo M, Chuc NT, et al. Reproductive tract infections including sexually transmitted infections: a population-based study of women of reproductive age in a rural district of Vietnam. Sex Transm Infect. 2008;84(2):126-32. (Abstract)
62. Nguyen VT, et al. HSV-2 in pregnant women in one Mekong Delta area of Vietnam. 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug 19-23; Colombo, Sri Lanka.

Các đồng nhiễm khác, bao gồm cả Cryptococcalmeningitis, Enterocytozoonbieneusi, Giardia lamblia, các bệnh trên da và viêm gan cũng đã được điều tra [63-68].

63. Nguyen VT. Hepatitis B infection in Vietnam: Current issues and future challenges. Asia Pac J Public Health. 2010 Mar; 24(2):361-73. (Abstract)
64. Day JN, et al., Most cases of cryptococcal meningitis in HIV-uninfected patients in Vietnam are due to a distinct amplified fragment length polymorphism-defined cluster of Cryptococcus neoformans var. grubii VN1. J Clin Microbiol. 2011 Feb;49(2):658-64. (Abstract)
65. Lejeune A, Espern A, Phung DC, Nguyen TC, Miegeville M. Presentation of the first Enterocytozoon bieneusi intestinal microsporidia case in an HIV patient, Hanoi, Vietnam. Med Mal Infect. 2005; 35(7-8):425-6. (Abstract)(Full text)

66. Dib HH, Lu SQ, Wen SF. Prevalence of Giardia lamblia with or without diarrhea in South East, South East Asia and the Far East. Parasitol Res. 2008 Jul;103(2):239-51. (Abstract)
67. Espern A, Morio F, Miegeville M, Illa H, Abdoulaye M, Meyssonier V, et al. Molecular study of microsporidiosis due to Enterocytozoon bieneusi and Encephalitozoon intestinalis among human immunodeficiency virus-infected patients from two geographical areas:Niamey, Niger, and Hanoi, Vietnam. J Clin Microbiol. 2007 Sep;45(9):2999-3002. (Abstract)(Full text)
68. Dao MK. Clinical characteristics of dermatological diseases among HIV/AIDS and STIs infected patients in Hai Phong from 7/2008 to 8/2010. J Pract Med. 2010;742,743:453-458.

Việt Nam có tỷ lệ hiện nhiễm lao rất cao. Đồng nhiễm HIV và lao mang đến thách thức trong việc chăm sóc và điều trị cả hai bệnh này, do đó, được tập trung nghiên cứu [69-75].

69. Tran NB, Houben RM, Hoang TQ, Nguyen TN, Borqdorff MW, Cobelens FG. HIV and tuberculosis in Ho Chi Minh City, Vietnam, 1997-2002. Emerg Infect Dis. 2007 Oct;13(10):1463-9. (Abstract)(Full text)
70. van Soolingen D, Kremer K. Findings and ongoing research in the molecular epidemiology of tuberculosis. Kekkaku. 2009;84(2):83-9. (Abstract)
71. van Maaren PJ. Fighting the tuberculosis epidemic in the Western Pacific region: current situation and challenges ahead. Kekkaku. 2010;85(1):9-16. (Abstract)
72. Thanh DH, Sy DN, Linh ND, Hoan TM, Dien HT, Thuy TB, et al. HIV infection among tuberculosis patients in Vietnam: prevalence and impact on tuberculosis notification rates. Int J Tuberc Lung Dis. 2010 Aug;14(8):986-93. (Abstract)
73. Varma JK, McCarthy KD, Tasaneeyapan T, Monkongdee P, Kimerling ME, Buntheoun E, et al. Bloodstream infections among HIV-infected outpatients, Southeast Asia. Emerg Infect Dis. 2010 Oct;16(10):1569-75.(Abstract)
74. Torok ME, Chau TT, Mai PP, Phong ND, Dung NT, Chuong LV, et al. Clinical and microbiological features of HIV-associated tuberculous meningitis in Vietnamese adults. PLoS One. 2008 Mar 19;3(3):e1772. (Abstract)(Full text)
75. Thuy TT, Shah NS, Anh MH, Nqhia do T, Thom D, Linh T, et al. HIV-associated TB in An Giang Province, Vietnam, 2001-2004: epidemiology and TB treatment outcomes. PLoS One. 2007 Jun 6;2(6):e507. (Abstract)(Full text)

4.4. Khoa học hành vi liên quan đến HIV/AIDS

Chúng tôi đã xác định được 99 nghiên cứu đánh giá các yếu tố nguy cơ liên quan đến HIV/AIDS / STIs. Nghiên cứu trong lĩnh vực này tìm hiểu sâu về các hành vi tiêm chích và tình dục trong các quần thể nguy cơ cao, được coi là yếu tố thúc đẩy lây truyền HIV tại Việt Nam.

Quần thể NCMT

Nghiên cứu cho thấy việc dùng chung bơm kim tiêm và có các hành vi tình dục nguy cơ cao là yếu tố quyết định chính về lây truyền HIV trong nhóm NCMT tại Việt Nam [76-92]. Các phát hiện cho thấy tăng khả năng tiếp cận bơm kim tiêm và bao cao su có thể làm giảm đáng kể nhiễm HIV trong quần thể này.

76. Schumacher CM, Go VF, Nam le V, Latkin CA, Bergenstrom A, Celentano DD, et al. Social injecting and other correlates of high-risk sexual activity among injecting drug users in northern Vietnam. Int J Drug Policy. 2009;20(4):352-6. (Abstract)(Full text)
77. Thao le TL, Lindan CP, Brickley DB, Giang le T. Changes in high-risk behaviors over time among young drug users in South Vietnam: a three-province study. AIDS Behav. 2006 Jul;10(4 Suppl):S47-56. (Abstract)
78. Miller ER, Hellard ME, Bowden S, Bharadwai M, Aitken CK. Markers and risk factors for HCV, HBV and HIV in a network of injecting drug users in Melbourne, Australia. J Infect. 2009 May;58(5):375-82. (Abstract)
79. Nguyen OK, Higgs PG, Hellard ME. Limits to relying on expert information: the Delphi technique in a study of ethnic Vietnamese injection drug users in Melbourne, Australia. Soc Work Public Health. 2009 Sep-Oct;24(5):371-9. (Abstract)
80. Hammett TM, Kling R, Johnston P, Liu W, Ngu D, Friedmann P, et al. Patterns of HIV prevalence and HIV risk behaviors among injection drug users prior to and 24 months following implementation of cross-border HIV prevention interventions in northern Vietnam and southern China. AIDS Educ Prev. 2006 Apr;18(2):97-115. (Abstract)
81. Aitken CK, Higgs P, Bowden S. Differences in the social networks of ethnic Vietnamese and non-Vietnamese injecting drug users and their implications for blood-borne virus transmission. Epidemiol Infect. 2008 Mar;136(3):410-6. (Abstract)(Full text)
82. Clatts MC, Giang le M, Goldsamt LA, Yi H. Male sex work and HIV risk among young heroin users in Hanoi, Vietnam. Sex Health. 2007 Dec;4(4):261-7. (Abstract)(Full text)
83. Khuu VN, et al. Environmental Factors Affecting Risk Behaviors among Injecting Drug Users in Vinh Long Province. J Pract Med. 2010;742,743:245.
84. Vu VC and TMT Nguyen Factors associated with unsafe sex behaviors among injecting drug users (IDUs) in Vietnam. J Pract Med. 2010;742,743:189-194.
85. Bui TT, et al. HIV/AIDS related risk behaviors among male injecting drug users (IDUs) in Son La province, Viet Nam. J Pract Med. 2010;742,743:313-317.
86. Truong TM, et al. Knowledge, attitudes and behaviors related to HIV transmission and HIV prevalence among IDUs in Khanh Hoa. J Pract Med. 2010;742,743:72-79.
87. Nguyen TL, et al. Knowledge, attitudes and behaviors towards HIV/AIDs transmission of IDUs in 7 provinces / cities in Vietnam after 5 year lauching intervention programs. J Pract Med. 2010;742,743:171-174.

88. Nguyen TL, et al. Risk behaviors and HIV prevalence among injecting drug users in rural and mountain areas northern Bac Giang in 2010. J Pract Med. 2010;742,743:197-200.
89. Dinh TN, et al. Survey on knowledge, attitudes and behaviors of HIV/AIDS transmission among injecting drug users in Lam Dong in 2009. J Pract Med. 2010;742,743:164-168.
90. Population Services International (PSI) Research Team. Baseline survey on injecting drug use, needle sharing, and sexual behaviors and condom use among male IDUs in Quang Ninh, Thai Nguyen, 2005. Hanoi: PSI/Vietnam; 2005.
91. PSI Research Team. Endline survey on injecting drug use, needle sharing, and sexual behaviors and condom use among male IDUs in Quang Ninh, Thai Nguyen, 2006. Hanoi: PSI/Vietnam; 2006.
92. PSI Research Team. Behavioral survey of injecting drug users in 7 PEPFAR provinces, Vietnam, 2010. Hanoi: PSI/Vietnam; 2010.

Một số nghiên cứu bệnh-chứng xác định nhóm NCMT mang HIV dương tính và nhóm NCMT mang HIV âm tính và so sánh hành vi giữa hai nhóm [93-97]. Ngoài hành vi sử dụng ma túy và tình dục, không biết tình trạng nhiễm HIV của mình cũng được xác định là một yếu tố có thể dẫn đến việc lây truyền HIV nhanh chóng trong nhóm quần thể này.

93. Go VF, Frangakis C, Van Nam L, Sripaipan T, Bergenstrom A, Li F, et al. Characteristics of high-risk HIV-positive IDUs in Vietnam: implications for future interventions. Subst Use Misuse. 2011;46(4):381-9. (Abstract)(Full text)
94. Hammett TM, Johnston P, Kling R, Liu W, Ngu D, Tung ND, et al. Correlates of HIV status among injection drug users in a border region of southern China and northern Vietnam. J Acquir Immune Defic Syndr. 2005 Feb 1;38(2):228-35. (Abstract)
95. Thanh DC, Moland KM, Fylkesnes K. The context of HIV risk behaviours among HIV-positive injection drug users in Viet Nam: moving toward effective harm reduction. BMC Public Health. 2009 Apr 6;9:98. (Abstract)(Full text)
96. Quan VM, Go VF, Nam le V, Bergenstrom A, Thuoc NP, Zenilman J, Latkin C, et al. Risks for HIV, HBV, and HCV infections among male injection drug users in northern Vietnam: a case-control study. AIDS Care. 2009 Jan;21(1):7-16. (Abstract)(Full text)
97. Duong CT, Moland MK, Fylkesnes K. The context of HIV risk behaviours among HIV-positive injection drug users in Viet Nam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.

Các mối quan hệ của người NCMT và dự phòng lây nhiễm HIV giữa người NCMT và bạn tình của họ cũng được điều tra [98-102]. Việc nam giới NCMT hiếm khi sử dụng bao cao su với bạn tình chính và không biết về tình trạng HIV của họ đặt ra những thách thức cho việc dự phòng.

98. Lam NT. Drugs, sex and AIDS: sexual relationships among injecting drug users and their sexual partners in Vietnam. Cult Health Sex. 2008 Jun;10 Suppl:S123-37. (Abstract)
99. Go VF, Quan VM, Voytek C, Celentano D, Nam le V. Intra-couple communication dynamics of HIV risk behavior among injecting drug users and their sexual partners in Northern Vietnam. Drug Alcohol Depend. 2006 Sep 1;84(1):69-76. (Abstract)
100. Van NTH. Sexual partners of IDUs in Vietnam—baseline findings on a NEGLECTED risk group for HIV. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
101. Nguyen TL, et al. Risk behaviors of HIV transmission among wifes and sexual partners of IDUs in Lau Chau in 2010. J Pract Med. 2010;742,743:203-207.
102. Trang, NNN. Formative research on sex partners of IDUs in Ho Chi Minh City. 2011

Nhìn chung, một nghiên cứu phân tích tổng hợp đã nhấn mạnh việc lạm dụng ma túy trái phép đang gia tăng mạnh tại Vietnam, chủ yếu ở khu vực nông thôn, miền núi và sau đó lan rộng đến các khu vực thành thị. Heroin đã thay thế thuốc phiện trở thành loại ma túy được ưa thích nhất trên thị trường và tiêm chích trở thành đường dùng thuốc phổ biến nhất [104]. Người sử dụng ma túy là ai và họ bắt đầu sử dụng ma túy như thế nào là những câu hỏi mà nghiên cứu hành vi đang cố gắng để tìm ra câu trả lời [103-108].

103. Nguyen VT, Scannapieco M. Drug abuse in Vietnam: a critical review of the literature and implications for future research. Addiction. 2008 Apr;103(4):535-43. (Abstract)
104. Clatts MC, Giang le M, Goldsamt LA, Yi H. Novel heroin injection practices: implications for transmission of HIV and other bloodborne pathogens. Am J Prev Med. 2007;32(6 Suppl):S226-33. (Abstract)(Full text)
105. Hue. Usage of multiple illegal drugs among IDUs in Ho Chi Minh City. J Pract Med. 2010;742,743:245-251.
106. Vu NK, et al. The initiation into injecting drug use and the role of male injecting drug users (IDU), a behavioral study among IDU in the 7 provinces in Viet Nam. J Pract Med. 2010;742,743:297-301.
107. Tran KP. Characteristics of drug users in Quang Tri in 2008. J Pract Med. 2010;742,743:102-105.
108. PSI Research Team. Formative study on the role of male IDUs in initiating others into injecting drug use (Break the Cycle), among male IDUs in Hai Phong and Quang Ninh, 2009. Hanoi: PSI/Vietnam; 2009.

Quần thể PNMD

Trong nhóm PNMD tại Việt Nam, hành vi chính liên quan đến nhiễm HIV bao gồm tiêm chích ma túy và sử dụng bao cao su không liên tục, đặc biệt là với bạn tình thường xuyên của họ [109-127]. Cụ thể là, khoảng 27-46% gái mại dâm được điều

tra báo cáo có sử dụng ma túy và có mối sự liên quan chặt chẽ giữa PNMD sử dụng ma túy và và bạn tình cũng sử dụng ma túy. Các phát hiện này cho thấy sự cần thiết của việc mở rộng chương trình giảm tác hại trong nhóm PNMD sử dụng ma túy.

109. Grayman JH, Nhan DT, Huong PT, Jenkins RA, Carey JW, West GR, et al. Factors associated with HIV testing, condom use, and sexually transmitted infections among female sex workers in Nha Trang, Vietnam. AIDS Behav. 2005 Mar;9(1):41-51. (Abstract)
110. Nguyen TV, Khuu NV, Truong PH, Nguyen AP, Truong LX, Detels R. Correlation between HIV and sexual behavior, drug use, trichomoniasis and candidiasis among female sex workers in a Mekong Delta province of Vietnam. AIDS Behav. 2009 Oct;13(5):873-80. (Abstract)(Full text)
111. Nemoto T, Iwamoto M, Colby D, Witt S, Pishori A, Le MN, et al. HIV-related risk behaviors among female sex workers in Ho Chi Minh City, Vietnam. AIDS Educ Prev. 2008 Oct;20(5):435-53. (Abstract)
112. Le MN, D'Onofrio CN, Rogers JD. HIV risk behaviors among three classes of female sex workers in Vietnam. J Sex Res. 2010 Jan;47(1):38-48. (Abstract)
113. Tran TT, Le CL, Nguyen TL. Factors associated with inconsistent condom use among female sex workers in Nha Trang, Vietnam. Asia Pac J Public Health. 2008;20(4):370-8. (Abstract)
114. Tran TN, Detels R, Lan HP. Condom use and its correlates among female sex workers in Hanoi, Vietnam. AIDS Behav. 2006 Mar;10(2):159-67. (Abstract)
115. Tran TN, Detels R, Long HT, Lan HP. Drug use among female sex workers in Hanoi, Vietnam. Addiction. 2005 May;100(5):619-25. (Abstract)
116. Rosenthal D, Oanha TT, Listening to female sex workers in Vietnam: influences on safe-sex practices with clients and partners. Sex Health. 2006 Mar;3(1):21-32. (Abstract)
117. Choi SY. Heterogeneous and vulnerable: the health risks facing transnational female sex workers. Sociol Health Illn. 2011 Jan;33(1):33-49. (Abstract)
118. Nguyen TV, Khuu NV, Nguyen AP, Truong LXT, Detels R. High association between drug use and HIV among female sex workers in a Mekong Delta province of Vietnam, in XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
119. Nemoto T, et al. HIV risk behaviors among female sex workers in Vietnam. 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 August 19-23; Colombo, Sri Lanka.
120. Pham H, Hagen K, del Rio C, Chu A, Vu H, Le T, et al. HIV risk behaviors and barriers to HIV service access among female returnees from 05/06 center in Hanoi, Vietnam. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
121. Duong LQ, et al. Behavioral survey on condom use and HIV voluntary counseling and testing uptake among male clients of female sex workers in 2009 in Viet Nam. J Pract Med. 2010;742,743:293-296.
122. Nguyen TMT, et al. Knowledge, attitude and behaviors related to HIV/AIDS transmission among female sex workers in 7 provinces/ cities of Vietnam. J Pract Med. 2010;742,743:658-661.

123. Hoang A, TS Hoang, and HH Pham, Risk behaviors and HIV prevalence among injecting drug users and female sex workers in 5 districts in Thai Nguyen in 2010. J Pract Med. 2010;742,743:139-143.
124. Hoang TXL, et al. Risk of HIV infection and access to prevention program among female sex workers in Ho Chi Minh City, Vietnam. J Pract Med. 2010;742,743:242-243.
125. Truong TM, et al. Knowledge, attitudes and sexual behaviours of HIV/AIDS transmission and HIV prevalence among female sex workers in Khanh Hoa. J Pract Med. 2010;742,743:79-86.
126. PSI Research Team. HIV behavioral survey evaluation risk behaviors and determinants among female sex workers in 6 PEPFAR provinces, Vietnam, 2008. Hanoi: PSI/Vietnam; 2008.
127. PSI Research Team. Qualitative study on female condom use among sex workers in Quang Ninh and Hai Phong, Vietnam, 2010. Hanoi: PSI/Vietnam; 2008.

Quần thể MSM

Yếu tố nguy cơ chính liên quan đến HIV trong quần thể MSM là hành vi tình dục đồng giới [128-134]. Mặc dù có một số lượng đáng kể nghiên cứu trên quần thể MSM, các nghiên cứu về hành vi của họ còn hạn chế. Không có bất kỳ một khảo sát hệ thống và trên quy mô lớn nào trong quần thể MSM. Nghiên cứu định tính xác nhận mối liên quan có thể có giữa nhân dạng tình dục và hành vi tình dục trong nhóm MSM tại Việt Nam, từ đó yêu cầu các chiến lược dự phòng về hành vi khác nhau cho các nhóm MSM khác nhau [128]. Có nhiều bạn tình, quan hệ tình dục qua đường hậu môn không an toàn, mại dâm nam và thiếu kiến thức về nguy cơ nhiễm HIV đã được chứng minh là các yếu tố có liên quan tới tăng nguy cơ lây nhiễm HIV trong nhóm quần thể ẩn này [131].

128. Ngo DA, Ross MW, Phan H, Ratliff EA, Trinh T, Sherburne L. Male homosexual identities, relationships, and practices among young men who have sex with men in Vietnam: implications for HIV prevention. AIDS Educ Prev. 2009 Jun;21(3): 251-65. (Abstract)(Full text)
129. Vu BN, Girault P, Do BV, Colby D, Tran LT. Male sexuality in Vietnam: the case of male-to-male sex. Sex Health. 2008 Mar;5(1):83-8. (Abstract)
130. Colby D, Trang NNN, Lan HTX, Thien DD. HIV risk and access to prevention services among male sex workers in Ho Chi Minh City, Vietnam. XVIII International AIDS Conference 2010; 18-23 Jul 2010; Vienna, Austria.
131. Nguyen Q, Schoenback V, Bennett T, Kalsbeek W, Miller W, Huynh P, et al. Sexual risk behaviors of men who have sex with men Internet-users in Viet Nam. XVIII International AIDS Conference 2010; 2010 Jul 18-23; Vienna, Austria.
132. Ton T, Colby D, Truong M. Homosexual behavior in rural districts of Khanh Hoa province, Vietnam. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.

133. PSI Research Team., Formative study on knowledge, use, barrier and motivation for water-based lubricant among MSMs and SWs in Ho Chi Minh City, 2008. Hanoi: PSI/Vietnam; 2008.
134. STDs/HIV/AIDS Prevention Center (SHAPC). MSM sex-workers in Hanoi: High risk behaviors and barriers to HIV prevention. Hanoi: SHAPC;2010.

Giống như ở các quần thể nguy cơ cao khác, sử dụng ma túy trái phép vẫn là một nguy cơ chính liên quan đến lây truyền HIV trong MSM [135-137].

135. Tou BP, et al. IDU a major risk factor for HIV infection among MSM attending an outpatient clinic in Vietnam. 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug 19-23; Colombo, Sri LanKa.
136. Vu NB, Girault P, Mulvey K, Thanh SN, Thi UP, Tran L, et al. Drug use among men who have sex with men in Vietnam: implications for HIV prevention. XVIII International AIDS Conference; 2010 Jul 18-23; Vienna, Austria.
137. Vu NB, et al. Drug use and HIV risk among men who have sex with men, male sex workers and transgenders in Ha Noi and Ho Chi Minh City. J Pract Med. 2010;742,743:168-171.

Các yếu tố văn hóa-xã hội như sự cách ly với xã hội, hậu quả của sự phân biệt đối xử, và các mối quan hệ của MSM đã được thảo luận [138-142]. Sự kỳ thị với hành vi đồng tính luyến ái có thể đã hạn chế nhiều MSM tham gia các chương trình dự phòng.

138. Do T, Santos M, Neilands T, Colby D, Truong M, Ton T. Marriage, social isolation and sexual risk among Vietnamese MSM. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
139. Ton TT, Nguyen VH, and Nguyen TTD. Homosexual behavior and sex work among migrant male workers in Vietnam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
140. Nguyen CQ, et al., Partnership patterns and condom use of Vietnamese married men who have sex with men. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
141. Ton TT, Colby DJ, Truong MT. Homosexual behavioral and HIV Risk among a rural population in Khanh Hoa province, Vietnam. 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Colombia, Sri Lanka.
142. Vu ML, Tran TN. MSM in Vietnam—stigma and social consequences. J Pract Med. 2010;742,743:156-164.

Các hành vi nguy cơ của người sống chung với HIV

Một số nghiên cứu tuyển chọn những người có HIV dương tính và nghiên cứu hành vi của họ [143-146]. Trong số những người sống chung với HIV (PLHIV), nguy cơ lây nhiễm HIV có liên quan đến phơi nhiễm thông qua việc có nhiều bạn tình, hoạt động mại dâm và không sử dụng bao cao su thường xuyên, và thông qua việc sử dụng ma túy cũng như sử dụng chung bơm kim tiêm. Nhu cầu sức khỏe tình dục và sinh sản cho PLHIV và bạn tình dị nhiễm của họ cũng đã được điều tra.

143. Thanh DC, Hien NT, Tuan NA, Thang BD, Long NT, Fylkesnes K. HIV risk behaviours and determinants among people living with HIV/AIDS in Vietnam. AIDS Behav. 2009 Dec;13(6):1151-9. (Abstract)
144. Khuat O, Ont T, Vu T, Morch E, Takia A, Le H. Condoms or no condoms? Dilemma of discordant couples. XVIII International AIDS Conference; 2010 Jul 18-23; Vienna, Austria.
145. Tran QH, Nguyen TL, High risk for spreading HIV among PLHIV in three Vietnam provinces. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
146. Duong CT, et al. High HIV risk taking among people living with HIV/AIDS in Vietnam. XVIII International AIDS Conference; 2010 Jul 18-23; Vienna, Austria.

Dân số nói chung

Các nghiên cứu cũng đã điều tra hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV trong nhóm dân số nói chung. Quan hệ tình dục với phụ nữ mại dâm rất phổ biến ở nam giới trẻ ở Việt Nam, liên quan chặt chẽ với các hành vi uống rượu. Mặc dù tỷ lệ sử dụng bao cao su với phụ nữ mại dâm là cao, tỷ lệ thường xuyên sử dụng bao cao su với bạn tình thường xuyên là rất thấp. Việc nhiễm HIV có liên quan chặt chẽ với độ tuổi trẻ, bệnh sử các bệnh lây truyền qua đường tình dục, thất nghiệp và ít kiến thức và kỹ năng thực tế trong thực hành tình dục an toàn. Bằng chứng từ nghiên cứu cho thấy cần có chiến lược cần thiết để khuyến khích những người trẻ thực hành các hành vi tình dục an toàn hơn [147-167].

147. Tho le H, Singhasivanon P, Khaewkungwal J, Kaljee LM, Charoenkul C. Sexual behaviors of alcohol drinkers and non-drinkers among adolescents and young adults in Nha Trang, Vietnam. Southeast Asian J Trop Med Public Health. 2007 Jan; 38(1):152-60. (Abstract)
148. Duong CT, Nguyen TH, Hoang TT, Nguyen W, Do TM, Pham VH, et al. Sexual risk and bridging behaviors among young people in Hai Phong, Vietnam. AIDS Behav. 2008 Jul;12(4):643-51. (Abstract)(Full text)
149. Tran TT, Mulhall BP, Macaskill P, Nguyen TQ. Risk factors for HIV infection in a gynaeco-obstetric population in Vietnam—a case-control study. Sex Health. 2005;2(2):71-5. (Abstract)

150. Kaljee LM, Green M, Riel R, Lerdboon P, Tho le H, Thoa le TK, et al. Sexual stigma, sexual behaviors, and abstinence among Vietnamese adolescents: implications for risk and protective behaviors for HIV, sexually transmitted infections, and unwanted pregnancy. J Assoc Nurses AIDS Care. 2007 Mar-Apr;18(2):48-59. (Abstract)(Full text)
151. Kaljee LM, Genberg BL, Minh TT, Tho LH, Thoa LT, Stanton B. Alcohol use and HIV risk behaviors among rural adolescents in Khanh Hoa Province Viet Nam. Health Educ Res. 2005 Feb;20(1):71-80. (Abstract)(Full text)
152. Ghuman S, Loi VM, Huy VT, Knodel J. Continuity and change in premarital sex in Vietnam. Int Fam Plan Perspect, 2006 Dec;32(4):166-74. (Abstract)
153. Thuy Duong LT, Vu ML, Do KN, Sherburne L. Quantifying young men's gender norms and sexual risk-taking in Vietnam. XVIII International AIDS Conference; 2010 Jul 18-23; Vienna, Austria.
154. Nguyen HT, Nguyen T. Knowlege, attitude and practice on sexuality and HIV/AIDS of Vietnamese hearing impaired students. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
155. Truong TM, Tran VT, Nguyen VQB. Evaluation of knowledge, attitude, and behaviors of HIV/AIDS transmission among people aged 15-49 in Khanh Hoa. J Pract Med. 2010;742,743:66-71.
156. Hoang XC. HIV prevalence and knowledge, attitudes and risk behaviors of HIV infection among prisoners in Dien Bien in 2009. J Pract Med. 2010;742,743:208-210.
157. Nguyen HS, Nguyen TH, Tran VA. Knowledge and behaviors associated with HIV transmission among male adults aged 15-24 in Quang Ninh province in 2008. J Pract Med. 2010;742,743:261-266.
158. Tran DH, et al. Behind the pleasure: an analysis of sexual descision making among high-risk urban men in Vietnam. 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug 19-23; Colombia, Sri Lanka.
159. Le HT, Charoenkul C. Alcohol consumption and sexual risk behaviors among adolescents and young adults in Nha Trang city. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific. 2009; August 19-23; Bali, Indonesia.
160. Ha VS, Silence toward violence and the risk of HIV infections: a case study of a Vietnamese coastal area, in 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific. 2009: August 9-13, 2009, Bali, Indonesia.
161. Doan CH, et al. Study on knowledge and risk factors of HIV infection among clients of voluntary counseling and testing, Hue PAC. J Pract Med. 2010;742,743::147-152.
162. Ngo MQ, et al. Current situation of awareness, attitudes and behaviours of HIV/AIDS prevention among blood donors in the Central Hematology and Blood Transfusion Hospital in 2008. J Pract Med. 2010;742,743:92-96.
163. Nguyen HS, Nguyen TH, Tran VA. Illegal drug use among male adults aged 15-24 in Quang Ninh in 2008. J Pract Med. 2010;742,743:256-261.
164. Hoang HP, Le HN, Ta TLP. Knowledge, attitudes and practice of HIV/AIDS prevention among people aged 15-49 in Hoa Lu and Ninh Binh, 2009. J Pract Med. 2010;742,743::124-127.

165. Luc DL, et al. Evaluate HIV prevalence and associated risk factors among people tested for HIV at counseling office at Di An commune, Binh Duong province in 2010. J Pract Med. 2010;742,743:226-227.
166. Pham VH. Risk factors for HIV transmission among VCT clients at Binh Dinh PAC. J Pract Med. 2010;742,743:144-147.
167. Salvaggio K, Nguyen TML, Hoang TA. HIV transmission from men to woman in intimate partner relationships in Viet Nam. J Pract Med. 2010;742,743:286-288.

Quần thể di động và các khách hàng nam giới của PNMD là hai nhóm mới có thể trở thành nguy cơ cao lây nhiễm HIV và liên quan đến lây truyền HIV đến các quần thể có nguy cơ thấp khác [168-174].

168. Van Tuan T. Meanings of sex, concepts of risk and sexual practices among migrant coal miners in Quang Ninh, Vietnam. Cult Health Sex. 2010 Aug;12 Suppl 1:S31-40. (Abstract)
169. Nguyen HD, Dang NA. Making HIV prevention work for mobile groups in Vietnam. 8th International Conference on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug 19-23; Colombo, Sri Lanka.
170. Nguyen TQL, Nguyen VH. Mobile male fishermen in Vietnam have poor knowledge and high-risk behaviors for HIV. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
171. Nguyen TT. Survey of practical knowledge, attitudes and behaviours of off-shore fishermen in Binh Dinh province. J Pract Med. 2010;742,743:120-124.
172. Duong LQ, et al. Behavioral survey on condom use and HIV voluntary counseling and testing uptake among male clients of female sex workers in 2009 in Viet Nam. J Pract Med. 2010;742,743:293-296.
173. PSI Research Team. Baseline survey on consistent condom use and VCT use among male clients of SWs, in Hanoi and Ho Chi Minh city, 2008. Hanoi: PSI/Vietnam; 2008.
174. PSI Research Team. Evaluation survey on consistent condom use and VCT use among male clients of SWs, in the 7 PEPFAR provinces, 2009. Hanoi: PSI/Vietnam; 2009.

V. Dự phòng

5.1 Chương trình bơm kim tiêm cho người NCMT

Có nhiều can thiệp trong nhóm NCMT khác nhau, bao gồm cả tích hợp dịch vụ VCT trong các trung tâm giáo dục thường xuyên, giáo dục đồng đẳng trong cộng đồng cho người NCMT và bạn tình của họ, giảm tác hại và hỗ trợ phục hồi cho người NCMT, phân phát bơm kim tiêm và bao cao su. Ngoài các can thiệp cộng đồng, các nghiên cứu trong phần này cũng đã khảo sát thái độ của cộng đồng đối với công tác phòng, chống HIV cho nhóm NCMT và phỏng vấn những người cung cấp thông tin chính để phát triển vận động chính sách [175-205].

175. Walsh N, Gibbie TM, Higgs P. The development of peer educator-based harm reduction programmes in Northern Vietnam. Drug Alcohol Rev. 2008 Mar;27(2):200-3. (Abstract)
176. Reid G, Higgs P. Vietnam moves forward with harm reduction: an assessment of progress. Glob Public Health. 2011;6(2):168-80. (Abstract)
177. Ngo AD, Schmich L, Higgs P, Fischer A. Qualitative evaluation of a peer-based needle syringe programme in Vietnam. Int J Drug Policy. 2009;20(2):179-82. (Abstract)
178. Hammett TM, Des Jarlais D, Johnston P, Kling R, Ngu D, Liu W, et al. HIV prevention for injection drug users in China and Vietnam: policy and research considerations. Glob Public Health. 2007;2(2):125-39. (Abstract)
179. Hammett TM, Norton GD, Kling R, Liu W, Chen Y, Ngu D, et al. Community attitudes toward HIV prevention for injection drug users: findings from a cross-border project in southern China and northern Vietnam. J Urban Health. 2005 Sep;82(3 Suppl 4):iv34-42. (Abstract)
180. Pankonin CA, Higgs P, Reid G, Aitken C. Selling syringes to injecting drug users: a study of five pharmacies in Hanoi, Vietnam. J Infect Dev Ctries. 2008 Feb 1;2(1):51-8. (Abstract)
181. Des Jarlais DC, Kling R, Hammett TM, Ngu D, Liu W, Chen Y, et al. Reducing HIV infection among new injecting drug users in the China-Vietnam Cross Border Project. AIDS. 2007 Dec;21 Suppl 8:S109-14. (Abstract)
182. Hammett TM, Van NT, Kling R, Binkh KT, Oanh KT. Female sexual partners of injection drug users in Vietnam: an at-risk population in urgent need of HIV prevention services. AIDS Care. 2010 Dec;22(12):1466-72.(Abstract)
183. Hammett T, Kling R, Ngu D, Binh KT, Quyen HN, Tren HV, et al. HIV prevention for sexual partners of injection drug users (IDUs), Ha Giang province, Vietnam. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
184. Tran D, Dao V, Vu H, Vo H, Nguyen T, White K, et al. Integration of voluntary HIV counseling and testing (VCT) services in rehabilitation centers for drug users in Vietnam. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.

185. Le H, Hoang T, Vu V, Le G, Le T, Nguyen H, et al. Adaptation of community-based outreach model for peer education program in closed setting: initial results in a rehabilitation center in Ho Chi Minh City, Vietnam. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
186. Nguyen H, Nguyen HTT, Vu V, Le H, Nguyen T, Ha D, et al. Community-based peer education and support for recovering injecting drug users in Ho Chi Minh City, Vietnam. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
187. Hoang VK. The three ones—coordinating the provincial response to strengthen harm reduction best practice. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
188. Lai KA, et al. Behavioral research and biological indicators of HIV/STIs in IDUs groups in Can Tho, 2006 -2007. J Pract Med. 2010;742,743:210-214.
189. Nguyen TL, et al. Report on an investigation to assess the availability and accessibility of Harm Reduction intervention models for injecting drug users in 5 provinces in Vietnam. J Pract Med. 2010;742,743:175-179.
190. Trinh HV, et al. Attitudes of beneficiaries and service providers towards harm reduction program for IDUs. J Pract Med. 2010;742,743:179-184.
191. Hammett TM, et al. Controlling HIV epidemics among injection drug users: seven years of cross-border HIV prevention interventions, Viet Nam and China. J Pract Med. 2010;742,743:662-665.
192. Bergenstrom A, Go V, Nam LV, Thuy BT, Celentano DD, Frangakis C, et al. Return to post-test counselling by out-of-treatment injecting drug users participating in a cross-sectional survey in north Vietnam. AIDS Care. 2007 Aug;19(7):935-9. (Abstract)
193. Hammett TM, Van NT, Kling R, Binkh KT, Oanh KT. Female sexual partners of injection drug users in Vietnam: an at-risk population in urgent need of HIV prevention services. AIDS Care. 2010 Dec;22(12):1466-72. (Abstract)
194. Khuat THO, et al. Working with the forgotten—HIV prevention among primary sexual partners of drug users in Vietnam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
195. Nguyen TTT. HIV mainstreaming in health facilities in 7 districts of Vietnam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
196. David J, Masami F. Activities of positive IDU in HIV prevention and used needle/syringe collection in Tu Liem, Hanoi. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
197. Mesquita F, Jacka D, Shaw G, Hu Y, Ricard D, Salva M, et al. Accelerating harm reduction interventions to change the course of the epidemic in Western Pacific and Asia, the role of WHO (WPRO). XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
198. Crofts N. Engaging with police in prevention of HIV among and from injecting drug users. J Pract Med. 2010;742,743:310-312.
199. Vo HS, et al. Risk behaviors among male injecting drug users (IDUS) in and effect of harm reduction project on IDUs in Thanh Hoa province, Viet Nam. J Pract Med. 2010;742,743:318-325.

200. Ho TH, Tran HB, Stephen K. "Water injection": heroin overdose management among IDUs in Chi Linh, Hai Duong province. J Pract Med. 2010;742,743:96-102.
201. Nguyen VT, et al. Effectiveness of clean syringes and needles program in reducing HIV transmission among IDUs in Soc Trang, 2003-2005. J Pract Med. 2010;742,743:244.
202. Nguyen TL, et al. Evaluation of HIV prevention program in Vietnam. J Pract Med. 2010;742,743:184-188.
203. PengFei Z., High coverage of condom use and increased distribution of needle & syringe in Can Tho, Vietnam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
204. Thu VTH, Mulvey K. An evidence-based and client-informed employment model for HIV-infected drug users in Vietnam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
205. Pham, DK, Moore T, Crofts N. Drug users in Viet Nam: How are they seen? J Pract Med. 2010;742,743:302-305.

5.2. Chương trình điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone (MMT)

Chương trình Methadone (MMT) bắt đầu ở Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2008. Hiện tại phòng khám MMT đã được thành lập tại nhiều tỉnh trên toàn quốc . Đánh giá sơ bộ cho thấy chương trình MMT có nhiều hứa hẹn trong phòng chống HIV/AIDS với sự giảm đáng kể việc sử dụng ma túy và các hành vi tình dục và tiêm chích khác [206-215]. Trên thực tế, tỷ lệ sử dụng thuốc gây nghiện bất hợp pháp (xác định thông qua xét nghiệm nước tiểu) giảm từ 100% tại thời điểm trước điều trị xuống còn 18% tại thời điểm sau 9 tháng điều trị. Chất lượng cuộc sống của bệnh nhân cũng được ghi nhận là tăng đáng kể trong 3 tháng đầu tiên của chương trình điều trị và duy trì ổn định sau 6 tới 9 tháng tiếp theo [212].

206. Nguyen TN, Ngoc TM. Preliminary outcome of Vietnam's pilot methadone maintenance therapy program. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
207. Giang TL, Thinh T, Tieu VTT, Chinh D. Methadone assisted therapy outcomes and clinical characteristics of patients in the pilot program in Ho Chi Minh City, Vietnam. XVIII International AIDS Conference; 2010 Jul 18-23; Vienna, Austria.
208. Mulvey KP. Patient satisfaction in an integrated community-based methadone maintenance program in Ho Chi Minh. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
209. Nougier M. The impact of compulsory drug treatment centres on the human rights of people who use drugs and the HIV epidemic in Southeast Asia. XVIII International AIDS Conference; 2010 Jul 18-23; Vienna, Austria.
210. Nguyen TN. Changes in sexual and drug taking risk behavior in Vietnam's methadone pilot program. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.

211. Leigh J. Methadone maintaince therapy: lesson from China. J Pract Med. 2010;742,743:306-309.
212. Nguyen TL, et al. Summary of the major finding from evaluation of the pilot methadone maintenance therapy program in Viet Nam. J Pract Med. 2010;742,743:332-334.
213. Cao KV, et al. Results of methadone maintenance treatment at out-patient clinic in District 4, Ho Chi Minh City. J Pract Med. 2010;742,743:243-244.
214. Nguyen TN, et al. Factors associated with illicit drug use patients on methadone maintenance therapy in Viet Nam. J Pract Med. 2010;742,743:347-350.
215. Nguyen TH, et al. Impact of methadone on the mental health, quality of life and social integration of injecting drug users in Viet Nam. J Pract Med. 2010;742,743:364-367.

5.3. Dự phòng lây truyền mẹ con

Dự phòng lây truyền HIV/AIDS từ mẹ sang con tại Việt Nam bao gồm xét nghiệm HIV thường xuyên trước khi sinh, tư vấn sau xét nghiệm, hỗ trợ xã hội và các nhóm tự lực cho các bà mẹ mang HIV dương tính [216-248]. Nhiều nghiên cứu đã đề cập tới các khía cạnh của vấn đề này như độ bao phủ, khả năng tiếp cận tới chương trình và những nhóm đối tượng đích. [216-248].

216. Dinh TH, Detels R, Nguyen MA. Factors associated with declining HIV testing and failure to return for results among pregnant women in Vietnam. AIDS. 2005 Jul 22;19(11):1234-6. (Abstract)
217. Hanh NT, Gammeltoft T, Rasch V. Early uptake of HIV counseling and testing among pregnant women at different levels of health facilities—experiences from a community-based study in Northern Vietnam. BMC Health Serv Res. 2011 Feb 7;11(1):29. (Abstract)(Full text)
218. Hanh NT, Rasch V, Chi BK, Gammeltoft T. Post-test counseling and social support from health staff caring for HIV-infected pregnant women in Vietnam. J Assoc Nurses AIDS Care. 2009 May-June;20(3):193-202. (Abstract)
219. Hardon AP, Oosterhoff P, Imedla JD, Anh NT, Hidayana I. Preventing mother-to-child transmission of HIV in Vietnam and Indonesia: diverging care dynamics. Soc Sci Med. 2009 Sep;69(6):838-45. (Abstract)
220. Le CT, Vu TT, Luu MC, Do TN, Dinh TH, Kamb ML. Preventing mother-to-child transmission of HIV in Vietnam: an assessment of progress and future directions. J Trop Pediatr. 2008 Aug;54(4):225-32. (Abstract)
221. Nguyen TA, Oosterhoff P, Ngoc YP, Wright P, Hardon A. Self-help groups can improve utilization of postnatal care by HIV-infected mothers. J Assoc Nurses AIDS Care. 2009 Mar-Apr;20(2):141-52. (Abstract)
222. Nguyen TA, Oosterhoff P, Ngoc YP, Wright P, Hardon A. Barriers to access prevention of mother-to-child transmission for HIV positive women in a well-resourced setting in Vietnam. AIDS Res Ther. 2008 Apr 17;5:7. (Abstract) (Full text)

223. Oosterhoff P, Anh NT, Yen PN, Wright P, Hardon A. HIV-positive mothers in Viet Nam: using their status to build support groups and access essential services. Reprod Health Matters. 2008 Nov;16(32):162-70. (Abstract)
224. Oosterhoff P, Hardon AP, Nguyen TA, Pham NY, Wright P. Dealing with a positive result: routine HIV testing of pregnant women in Vietnam. AIDS Care. 2008 Jul;20(6):654-9. (Abstract)
225. Oosterhoff P, Anh NT, Hanh NT, Yen PN, Wright P, Hardon A. Holding the line: family responses to pregnancy and the desire for a child in the context of HIV in Vietnam. Cult Health Sex. 2008 May;10(4):403-16. (Abstract)
226. Brickley DB, Le Dung Hanh D, Nguyet LT, Mandel JS, Giang le T, Sohn AH. Community, family, and partner-related stigma experienced by pregnant and postpartum women with HIV in Ho Chi Minh City, Vietnam. AIDS Behav. 2009 Dec;13(6):1197-204. (Abstract)(Full text)
227. Chi BK, Hanh NT, Rasch V, Gammeltoft T. Induced abortion among HIV-positive women in Northern Vietnam: exploring reproductive dilemmas. Cult Health Sex. 2010 Aug;12 Suppl 1:S41-54. (Abstract)
228. Sohn AH, Thanh TC, Thinh le Q, Khanh TH, Thu HK, Giang le T, et al. Failure of human immunodeficiency virus enzyme immunoassay to rule out infection among polymerase chain reaction-negative Vietnamese infants at 12 months of age. Pediatr Infect Dis J. 2009 Apr; 28(4):273-6. (Abstract)(Full text)
229. Pharris A, Nguyen TK, Tishelman C, Brugha R, Nguyen PH, Thorson A. Expanding HIV testing efforts in concentrated epidemic settings: a population-based survey from rural Vietnam. PLoS One. 2011 Jan 11;6(1):e16017. (Abstract) (Full text)
230. Bui KC, Gammeltoft T, Nguyen TT, Rasch V. Induced abortion among HIV-positive women in Quang Ninh and Hai Phong, Vietnam. Trop Med Int Health. 2010 Oct;15(10):1172-8. (Abstract)
231. Nguyen LT, Christoffersen SV, Rasch V. Uptake of prenatal HIV testing in Hai Phong Province, Vietnam. Asia Pac J Public Health. 2010 Oct;22(4):451-9. (Abstract)
232. Almroth S, Arts M, Quang ND, Hoa PT, Williams C. Exclusive breastfeeding in Vietnam: an attainable goal. Acta Paediatr. 2008;97(8):1066-9. (Abstract)
233. de Lind van Wijngaarden JW, et al. Assessment of HIV prevention, care and support needs of children. 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug 19-23; Colombo, Sri Lanka.
234. Burdon MR, et al. An effective model for providing PMTCT services in a concentrated HIV epidemic. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
235. Phan TP, et al. Strengthening HIV-nutrition and infant feeding programs in the Asia-Pacific Region: lessons learned from Vietnam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
236. Nguyen KB, et al. Developing Peds C&T in Vietnam: lessons Learned from a collaborative approach to implementation and scale-up. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.

237. Nguyen VT, et al. HIV infection among pregnant women and prevention of mother to child transmission in some obstetrical facilities in Northern Vietnam from 2006-2009. J Pract Med. 2010;742,743:408-413.
238. Nguyen TH, et al. Prevention of mother to child transmission: successes and obstacles—learninng from program evaluation in three provinces/cities and national hospital in Vietnam, 2004-2009. J Pract Med. 2010;742,743:495-498.
239. Truong TH, et al. Knowledge, attitudes and behaviors of pregnant women and women of childbearing age towards prevention of mother to child transmission in Ho Chi Minh city in 2009. J Pract Med. 2010;742,743:231-234.
240. Nguyen TH, et al. Prevention of mother to child transmission of HIV in Viet Nam, achievements and difficulties—lessons learned from program evaluation in three provinces and national hospital. J Pract Med. 2010;742,743:531-532.
241. Tran T, et al. Early infant diagnosis for children under 18 months of age born to HIV positive mothers in Southern Vietnam. J Pract Med. 2010;742,743:477-480.
242. Vu TN, Evaluating the program of preventing HIV transmission from mothers to children in Hung Vuong hospital, 2005-2008. J Pract Med. 2010;742,743:377-380.
243. Lert F, et al. HIV infected children in Vietnam: social factors associated with their access to health services. J Pract Med. 2010;742,743:584-586.
244. Nguyen TTT, Nguyen TTT. Factors associated with voluntary HIV testing among pregnant women in Dong Ha and Quang Tri towns, Quang Tri province, 2009. J Pract Med. 2010;742,743:394-401.
245. Nguyen TLP, Le TV. Observation on management of women HIV+ in labor and delivery in the National Gynecologic and Obstetric hospital in 2008. J Pract Med. 2010;742,743:458-462.
246. Tran TTH, et al. HIV-1 mother to child transmission in northern Viet Nam. J Pract Med. 2010;742,743:523-525.
247. PSI Research Team. Formative study on barriers to and motivations for accessing PMTCT services among pregnant women in Quang Ninh, Hai Phong and Hanoi, 2008. Hanoi: PSI/Vietnam; 2008.
248. PSI Research Team. PMTCT quantitative survey – early HIV testing during pregnancy among women in Hanoi, Hai Phong and Quang Ninh, 2010. Hanoi: PSI/Vietnam; 2010.

5.4. Dự phòng lây truyền qua đường tình dục: MSM và PNMD

Chỉ có một nghiên cứu đánh giá các can thiệp trong nhóm MSM tại Hà Nội, bao gồm tư vấn thay đổi hành vi, phân phát bao cao su, chất bôi trơn, và thẻ giới thiệu đến các dịch vụ STI / VCT. Sau hai năm thực hiện, chương trình đã tiếp cận hơn 10.000 MSM [249]. Các nghiên cứu khác đang xác định phương pháp để tiếp cận quần thể ẩn này, nhấn mạnh tầm quan trọng của internet [249-252]. Mặc dù tỷ lệ nhiễm HIV trong nhóm MSM ngày càng tăng, chương trình dự phòng trong nhóm MSM chỉ có mặt ở một số ít các tỉnh, và tại những nơi này độ bao phủ cũng không đủ lớn để ngăn chặn sự gia tăng tỷ lệ hiện nhiễm HIV [252].

249. Tran TN, Le TH. Male sexual health intervention in Hanoi. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
250. Colby D, Ton TT, Truong TTM. Internet use among rural and urban MSM in Vietnam: an opportunity for reaching hidden populations. 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug 19-23; Colombo, Sri Lanka.
251. Pham VT. Support MSM to work with media by using the Internet. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
252. Nguyen TMT, et al. Rapid situation and response assessment of HIV programs for man who have sex with men. J Pract Med. 2010;742,743:344-346.

Biện pháp can thiệp trong nhóm PNMD tập trung vào việc thúc đẩy thực hành tình dục an toàn thông qua cung cấp bao cao su, giáo dục đồng đẳng về nhận thức nguy cơ, dịch vụ chuyển gửi và các liên kết với các cơ hội việc làm và đào tạo [253-269]. Nghiên cứu cũng tìm hiểu phương pháp để tiếp cận các quần thể ẩn này một cách hiệu quả, đặc biệt là phương pháp lấy mẫu dây chuyền có kiểm soát dựa vào người tham gia nghiên cứu.

253. Johnston LG, Savin K, Mai TH, Pham TH. Assessment of respondent driven sampling for recruiting female sex workers in two Vietnamese cities: reaching the unseen sex worker. J Urban Health. 2006 Nov;83(6 Suppl):i16-28. (Abstract) (Full text)
254. Vu Thuong N, Van Nghia K, Phuc Hau T, Thanh Long N, Thi Bao Van C, Hoang Duc B, et al. Impact of a community sexually transmitted infection/HIV intervention project on female sex workers in five border provinces of Vietnam. Sex Transm Infect. 2007 Aug;83(5):376-82. (Abstract)(Full text)
255. Do LH, Ng LS. Integrating HIV/STI services into SRH services of Vietnam, Family Panning Association (VINAFPA). 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug 19-23; Colombo, Sri Lanka.
256. Le Quang N. "Don't call me a sex worker": reaching female youth who sell sex on the streets in Vietnam. XVII International AIDS Conference; 2010 Jul 18-23; Vienna, Austria.
257. Nguyen TS, Merrigan M. The recall method: An effective means of reporting numbers of people reached by prevention outreach. 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug 19-23; Colombo, Sri Lanka.
258. Dinh MN, et al. Comprehensive HIV care and prevention: an integration approach of Le Chan District, Hai Phong City. 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug 19-23; Colombo, Sri Lanka.
259. Nguyen TMT, et al. Expanding "no condom, no sex" approach by using current sex workers as peer educators in Vietnam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
260. Tran TD, et al. Outreach counseling and testing services for sex workers in Vietnam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.

261. Mulvey KP. Strategic prevention framework: a multi-sectoral approach to prevention. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
262. Ngo Van H, Xuan TP, Thanh ML, van der Velden T. Using block curricula: a new approach to improve HIV and AIDS pre-service training in Hai Phong, Viet Nam. XVIII International AIDS Conference; 2010 Jul 18-23; Vienna, Austria.
263. Do TH. Improved sexual and health seeking behavior and reduced HIV prevalence among sex workers in Nha Trang. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
264. Fujita M. First pilot 100% condom use program expanded and sustained via entertainment establishment, Vietnam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
265. de Lind van Wijngaarden JW, Arayawongchai J. Developing standardised guidelines on knowledge, attitude and skills of peer/outreach workers involved in HIV prevention for MSM in Southeast Asia. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
266. Kunanusont C. Sexual and reproductive health services and HIV prevention for sex workers. J Pract Med. 2010;742,743:342-343.
267. Nguyen TV, Truong HA, Manda Y. Unique identifier code in outreach intervention targeting sex workers who are drug users in Viet Nam. J Pract Med. 2010;742,743:326-331.
268. Hoang TXL, et al. Risk of HIV infection and access to prevention program among female sex workers in Ho Chi Minh City, Vietnam. J Pract Med. 2010;742,743:242-243.
269. Cuong ND, et al. Qualitative assessment of 100% condom use program in An Giang. Hanoi: Institute of Population, Health and Development; 2011.

Dịch vụ tư vấn xét nghiệm tự nguyện (VCT) đã được thí điểm vào năm 2002 và hiện tại đã mở rộng trên toàn quốc, đặc biệt là ở các tỉnh có tỷ lệ hiện nhiễm HIV cao. VCT đã thành công trong việc hướng các dịch vụ chăm sóc và dự phòng HIV tới những quần thể nguy cơ cao và người nhiễm HIV. Tiêu chuẩn hóa đào tạo, đảm bảo chất lượng, dịch vụ chuyển gửi và sử dụng dữ liệu hiện đang là tập trung nghiên cứu để tăng cường hiệu quả chương trình [270-275].

270. Dao QV. Initiation of provider-initiated HIV testing and counseling in sexually transmitted infection clinic. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
271. Tran TD, Chu QA. Application of information system to improve HIV counseling and testing services in Viet Nam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
272. Greenberg S, et al. Utilizing counseling and testing data for program improvement. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.

273. Nguyen H, Vu C, Phung V, Chu T, Le H, Ha D, et al. Referrals to HIV-testing services: coordinating peer outreach programs sponsored by different donors in Vietnam. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
274. Nguyen HTT, Nguyen H, Koester S, Greenberg S, Tran D, Nguyen S. Maintaining effective referrals from peer outreach program to HIV voluntary counseling and testing. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
275. Sarath C, et al. Mass testing is more effective than individual volunteer counseling and testing at indentifying HIV-infected individuals with advance HIV disease in a resource-limited setting. J Pract Med. 2010;742,743:61

5.5. Dự phòng cho các quần thể nguy cơ thấp khác

Dự phòng HIV cũng được tiến hành trong các quần thể nguy cơ thấp, bao gồm cả học sinh trung học cơ sở, phụ nữ trẻ, thanh thiếu niên trong cả hai khu vực thành thị và nông thôn, và quần thể di động [276-300].

276. Lerdboon P, Pham V, Green M, Riel R, Tho le H, Ha NT, et al. Strategies for developing gender-specific HIV prevention for adolescents in Vietnam. AIDS Educ Prev. 2008 Oct; 20(5):384-98. (Abstract)
277. Nhac-Vu HT, Giard M, Phong ND, Vanhems P. Risk factors for delayed HIV diagnosis at the Hospital of Tropical Diseases in Ho Chi Minh City, Vietnam. Int J STD AIDS. 2010 Dec;21(12):802-5. (Abstract)
278. Kaljee LM, Genberg B, Riel R, Cole M, Tho le H, Thoa le TK, et al. Effectiveness of a theory-based risk reduction HIV prevention program for rural Vietnamese adolescents. AIDS Educ Prev. 2005 Jun;17(3):185-99. (Abstract)
279. O'Farrell N. Program issues in delivering targeted STI services through the public sector in the Greater Mekong region. Southeast Asian J Trop Med Public Health. 2007 Mar;38(2):328-38. (Abstract)
280. Pharris A, Nguyen TK, Tishelman C, Brugha R, Nguyen PH, Thorson A. Expanding HIV testing efforts in concentrated epidemic settings: a population-based survey from rural Vietnam. PLoS One. 2011 Jan 11;6(1):e16017. (Abstract)(Full text)
281. Achari AP. Role of young people in sexual reproductive health and HIV prevention. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
282. Pham TTB. The education sector in Vietnam responds to HIV/AIDS: programming school-based HIV education for secondary school students. XVIII Aids International Conference; 2010 Jul 18-23; Vienna, Austria.
283. Lambrecht H, Phan HH, Richmond M. Building partnerships in the education sector response to HIV and AIDS: the Vietnam experience. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
284. Thuy Duong LT, Sherburne L. Changing gender norms to prevent HIV in Vietnam: young women have something to say. XVIII Aids International Conference; 2010 Jul 18-23; Vienna, Austria.

285. Nguyen HD, Dang NA. Making HIV prevention work for mobile groups in Vietnam. 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug 19-23; Colombo, Sri Lanka.
286. Le XL. Bring a new opportunity to take HIV information and prevention to truck drivers in Ho Chi Minh City. 9th International Conference on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
287. Burns K. Social and political obstacles to HIV prevention programs for married women in India, Vietnam, China. 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug 19-23; Colombo, Sri Lanka.
288. Dang HT, Pham KL. Improve awareness on HIV/AIDS prevention for migrant young workers at industrial zones in Vietnam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
289. Le QN, Sherburne L, Vu CN. The heart of the matter: parents role in the primary prevention of drug use among youth in Vietnam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
290. Nguyen THH. Anti-trafficking in women and girls and HIV/AIDS prevention among ethnic minority groups. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
291. Le XL. Mobile VCT/STIs: breaking barriers to make VCT/STI services accessible to MARP in Ho Chi Minh City, Vietnam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
292. Nguyen THB. Creating connections: preventing HIV by opening up intergenerational dialogues on sex and sexuality. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
293. Nguyen TS. Improving quality of HIV/AIDS prevention services for high risk and vulnerable groups in Vietnam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
294. Pharris A, Huyen DT, Chuc NTK, Thorson A. Going rural, scaling-up: unmet needs for HIV testing and information in a rural district in Northern Vietnam. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
295. Jacka D, Suresh K. Transformation of attitudes through RAR training of IDU and SW outreach workers in Hai Duong, Vietnam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
296. Ochel K, Panse R, Schwering T. E-learning courses on HIV/AIDS in China and Vietnam: concept–content–didactics. 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug 19-23; Colombo, Sri Lanka.
297. Nguyen TTT. The link between domestic violence against women and HIV infection in a rural province, Vietnam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
298. Vu N, Nguyen N, Do P, Sherburne L, Weissman A. Primary prevention of injecting drug use among young men at risk in Vietnam. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.

299. Nguyen TT, Luu BN. Knowledge and practice towards HIV/AIDS prevention and other STIs among Vietnamese adults: effectiveness of RHIYA program. J Pract Med. 2010;742,743:228-231.
300. Cao DT, Tran TBH. HIV/AIDS prevention programs among mobile population in Chinh Ly commune, Ly Nhan District, Ha Nam province in 2008. J Pract Med. 2010;742,743:131-134.

5.6. Truyền thông thay đổi hành vi

Các ấn phẩm về truyền thông thay đổi hành vi có số lượng hạn chế. Một can thiệp sử dụng "Phương pháp Sabido" để thiết kế và sản xuất phim truyền hình về thay đổi hành vi liên quan đến HIV và các vấn đề về giới theo hướng tích cực (301-302). Một can thiệp khác tổ chức các khóa học về HIV/AIDS trực tuyến cho các nhóm mục tiêu khác nhau ở cấp độ toàn cầu cũng như khu vực [303].

301. Duong D, Luu T, Takai A, Hoang N, Nguyen Q, Vu A, et al. "Sabido method": re-vitalizing radio drama in Vietnam and triggering nationwide-opinion exchange on HIV and gender issues to stimulate behavior change. XVIII International AIDS Conference; 2010 Jul 18-23; Vienna, Austria.
302. Nguyen VQ, Luu TT. Sabido method re-vitalizing radio drama in Vietnam and triggering nationwide-opinion exchange on HIV. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
303. Tanja S, Tran P, Klemens O. Innovative approaches to capacity building—an HIV/AIDS e-learning course in Vietnam. 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug 19-23; Colombo, Sri Lanka.
304. Tran VQ, et al. Effectiveness of behavior change communication program for HIV prevention among IDUs in Nam Dinh. J Pract Med. 2010;742,743:106-110.
305. Francis C. That extra shot in the arm—using strategic behavioral communications to improve and scale up MARP HIV prevention programming in Cambodia. J Pract Med. 2010;742,743:335-336.

VI. Điều trị, chăm sóc và hỗ trợ

Có tổng số 174 bài báo đủ điều kiện đã được bao gồm trong hướng dẫn tra cứu, chủ yếu là các nghiên cứu về điều trị ARV và chăm sóc cho những người sống chung với HIV/AIDS (PLHIV).

6.1 Điều trị ARV cho bệnh nhân AIDS

Các nghiên cứu xem xét việc mở rộng chương trình ART ở cấp quốc tế bằng cách xem xét hiệu quả và độ bao phủ của chương trình ART. Việc nâng ngưỡng bắt đầu điều trị ART (CD4 ít hơn 350/mm) được dự báo sẽ làm tăng nhu cầu điều trị khoảng 60% . Phát hiện này cũng nhấn mạnh việc tiếp tục hỗ trợ tài chính và cam kết chính trị là rất cần thiết cho việc mở rộng chương trình [306-307]. .

306. Srikantiah P, et al. Scale-up of national antiretroviral therapy programs: progress and challenges in the Asia Pacific region. AIDS. 2010;24 Suppl 3:S62-71. (Abstract)
307. Hamilton, A, et al. Changes in antiretroviral therapy guidelines: implications for public health policy and public purses. Sex Transm Infect. 2010;86(5):388-90. (Abstract)

Các nghiên cứu khác xem xét các chương trình ART mở rộng quy mô tại Việt Nam và các phương pháp khác nhau để tăng cường khả năng tiếp cận ART [308-324].

308. Maher L, Coupland H, Musson R. Scaling up HIV treatment, care and support for injecting drug users in Vietnam. Int J Drug Policy. 2007 Aug;18(4):296-305. (Abtract)
309. Nam NT, Bygbjerg IC, Mogensen HO, Rasch V. Antiretroviral therapy: unmet need and associated socio-demographic characteristics among HIV-positive women in Haiphong, Vietnam. AIDS Care. 2011 Jan;23(1):1-9. (Abstract)
310. Filler S, Berruti AA, Menzies N, Berzon R, Ellerbrock TV, Ferris R, et al. Characteristics of HIV care and treatment in PEPFAR-supported sites. J Acquir Immune Defic Syndr. 2011 May;57(1):e1-6. (Abstract)
311. Nguyen NT, Bygbjerg IC, Mogensen HO, Rasch V. Factors associated with the failure to seek HIV care and treatment among HIV-positive women in a northern province of Vietnam. AIDS Patient Care STDS. 2010 May;24(5):325-32. (Abstract)
312. Wolfe D, Carrieri MP, Shepard D. Treatment and care for injecting drug users with HIV infection: a review of barriers and ways forward. Lancet. 2010 Jul 31;376(9738):355-66. (Abstract)(Full text)

313. Phi HD, et al. Clinical mentoring and the scale-up of antiretroviral (ARV) therapy in Vietnam. 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug 19-23; Colombo, Sri Lanka.
314. Hang NT, Thangsing C. Success in access to ART treatment for IDUs through PLHA network and community participation, Vietnam. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
315. Tran NT, et al. District comprehensive care site as "hub" and "heart" for rapid scale up of ART invietnam. 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug 19-23; Colombo, Sri Lanka.
316. Nguyen TLH, Nguyen K, Nguyen TL. Simplified approach in scaling up ART: an experience of the GFATM project in Vietnam. 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug 19-23; Colombo, Sri Lanka.
317. Vu NP, et al. Scaling up paediatric ARV therapy at the primary care level in Vietnam. 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug 19-23; Colombo, Sri Lanka.
318. de Loenzien M, Luu BN. Role of the family in antiretroviral treatment access: a case study in Haiphong. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
319. Lam TN, Tran QT. Scaling up access to AIDS Treatment: the web dynamics of public-private interactions in Vietnam. 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug 19-23; Colombo, Sri Lanka.
320. Nguyen H, Nguyen HTT, Le H, Nguyen T, Le G, Le T, et al. Improving access to HIV care and treatment among drug users and sex workers through peer outreach program: lessons learned from Ho Chi Minh City, Vietnam. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
321. Binh Thanh Preventive Medical Center. Survey of care, support and treatment program for HIV/AIDS patients in Binh Thanh District during a three-year period (2007-2009). J Pract Med. 2010;742,743:488-495.
322. La TL, et al. Analysis and application of available data for monitoring and improving HIV/AIDS care and treatment program in three districts in Hanoi. J Pract Med. 2010;742,743:580-584.
323. Tran VH, Tran TTN. Improve and shorten the waiting time for the ARV patients accessing counseling, consultation and medication in Community Counseling and Support Unit in District 8. J Pract Med. 2010;742,743:593-598.
324. Tran TTH. Access to health care services and clinical characteristics of HIV infected people in Tien Giang in 2009. J Pract Med. 2010;742,743:430-436.

Gần đây, các nghiên cứu bắt đầu đánh giá kết quả của điều trị ARV bằng cách xem xét việc ức chế virus, đặc điểm lâm sàng, tỷ lệ sống còn và chất lượng cuộc sống của bệnh nhân. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân điều trị ART và các yếu tố liên quan đến kết quả điều trị cũng được xác định [325-345].

325. Jordan MR, La H, Nguyen HD, Sheehan H, Lien TT, Duong DV, et al. Correlates of HIV-1 viral suppression in a cohort of HIV-positive drug users receiving antiretroviral therapy in Hanoi, Vietnam. Int J STD AIDS. 2009 Jun; 20(6):418-22. (Abstract)(Full text)
326. Klotz SA, Nguyen HC, Van Pham T, Nguyen LT, Ngo DT, Vu SN. Clinical features of HIV/AIDS patients presenting to an inner city clinic in Ho Chi Minh City, Vietnam. Int J STD AIDS. 2007 Jul;18(7):482-5. (Abstract)
327. Trinh TT, Montague BT, Flanigan TP, Gerard HM. HIV suppression among patients on treatment in Vietnam: a review of HIV viral load testing in a public urban clinic in Ho Chi Minh City. AIDS Research and Treatment. 2011;2011:230953. (Abstract)(Full text)
328. Tran QT, Duchesne B. Evaluation of the effectiveness of the antiretroviral treatment first line regimens (ARV-FLR) for AIDS patients in Hanoi, Vietnam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
329. Allison W, Wright E, Schaefer M, Lal L, Law M, Smith J, et al. A survey of paediatric diagnostic, treatment and support services for human immunodeficiency virus (HIV) infection in the Asia Pacific region. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
330. U.S. Agency for International Development (USAID), FHI, Vietnam Authority of HIV/AIDS Control (VAAC). Program evaluation of patients initiating ART in two health facilities in Ho Chi Minh City. Hanoi: FHI; 2009.
331. Vo TTN. Positive predictive values for virological failure in HIV-infected adults in Ho Chi Minh City. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
332. Fujita M, et al. Preliminary findings of nationwide ART facility survey in Viet Nam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
333. Nguyen TMT, et al. Pilot collection of ART outcome data to assist development of treatment monitoring system in Vietnam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
334. Le DV, et al. Antiretrovirus treatment for HIV infected people in Dak Lak province in 2007-2009. J Pract Med. 2010;742,743:422-427.
335. Phan TT. Clinical and paraclinical characteristics of patients on ART in Hue Hospital. J Pract Med. 2010;742,743:401-404.
336. Ha, VT. Evaluation of ARV treatment among HIV/AIDS patients in Tan Chau out-patient clinic. J Pract Med. 2010;742,743:474-476.
337. Cao DT. Evaluation of ARV treatment at out-patient settings in Ha Nam, 2006-2009. J Pract Med. 2010;742,743:442-445.
338. Nguyen TCH, Nguyen HC, Dong THT. Immune reconstitution inflammatory syndrome in HIV/AIDS patients at hospital for tropical diseases from 1/2006 to 12/2009. J Pract Med. 2010;742,743:499-502.
339. Nguyen VK, et al. Situation analysis of antiretroviral therapy in some provinces of Vietnam. J Pract Med. 2010;742,743:649-653.

340. Tran VH, et al. IDU in Viet Nam experience good clinical and immunological outcomes on ART: finding from longitudinal study in Ho Chi Minh City. J Pract Med. 2010;742,743:510-514.
341. Nguyen AT, Nguyen TH. Risk factors of HIV transmission, access to and use of support, care and treatment among HIV infected people in 20 provinces receiving supports from Global Fund, round 1. J Pract Med. 2010;742,743:235-242.
342. Nguyen DV, Nguyen DC, Nguyen VK. Clinical, paraclinical characteristics and causes of HIV/AIDS patient's deaths in Hanoi HIV/AIDS treatment center No. 09 in 2005-2008 period. J Pract Med. 2010;742,743:374-377.
343. Pham TT. Evaluation of TCD4 among patients on ART at Binh Thuan Provincial Administration for HIV/AIDS control in 2009. J Pract Med. 2010;742,743:445-450.
344. Chinh NT, Quang VM, Tuyet Nhung VT, Colby D. First-line antiretroviral therapy outcomes in HIV-infected adults in Ho Chi Minh City, Viet Nam. 2010. 16th Conference on Retroviruses and Opportunistic Infections; 2009 Feb 8-11; San Francisco, California.
345. Thuy NT, et al. Assessment on HIV/AIDS legal clinics. 2009.

Tìm kiếm chất ức chế HIV-1 khác từ các nguồn tự nhiên như ở loài nấm Việt Nam Ganodermacolossum được thực hiện bởi nhóm các nhà khoa học từ Đại học Toyama, Nhật Bản [346-348].

346. El Dine RS, El Halawany AM, Ma CM, Hattori M. Anti-HIV-1 protease activity of lanostane triterpenes from the Vietnamese mushroom Ganoderma colossum. J Nat Prod. 2008 Jun;71(6):1022-6. (Abstract)
347. El Dine RS, El Halawany AM, Ma CM, Hattori M. Inhibition of the dimerization and active site of HIV-1 protease by secondary metabolites from the Vietnamese mushroom Ganoderma colossum. J Nat Prod. 2009 Nov;72(11):2019-23. (Abstract)
348. Morita A, Kuwahara S. Enantioselective total synthesis of litseaverticillols A and B. Org Lett. 2006 Apr 13;8(8):1613-6. (Abstract)

Các nghiên cứu cũng cho thấy việc không tuân thủ điều trị chiếm khoảng từ 5% - 25% trong số bệnh nhân điều trị ARV tại Việt Nam. Rất nhiều yếu tố liên quan đến không tuân thủ điều trị đã được nghiên cứu [349-356].

349. Van Tam V, Pharris A, thorson A, Alfven T, Larsson M. "It is not that I forget, it's just that I don't want other people to know": barriers to and strategies for adherence to antiretroviral therapy among HIV patients in Northern Vietnam. AIDS Care. 2011 Feb;23(2):139-45. (Abstract)
350. Colby D, Libman H. A qualitative study of barriers and facilitators to antiretroviral adherence for HIV/AIDS Patients. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.

351. Do HM, Dunne MP, Pham CV, Kato M. Non-adherence to antiretroviral therapy in Vietnam: prevalence and clinical, social and psychological correlates. XVIII Aids International Conference; 2010 Jul 18-23; Vienna, Austria.
352. Burdon MR, et al. Adherence to ARV therapy in a predominantly IDU driven HIV epidemic. 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug 19-23; Colombo, Sri Lanka.
353. Nguyen VK, et al. Evaluation of treatment adherence and its association with effectiveness of ARV treatment. J Pract Med. 2010;742,743:388-394.
354. Vo TN. Factors associated with ART adherence among HIV/AIDS patients in Can Tho city in 2009. J Pract Med. 2010;742,743:380-385.
355. Ha VT. Survey on ARV treatment adherence of AIDS patients in Binh Thuan in 2008. J Pract Med. 2010;742,743:370-373.
356. Do MH, et al. Treatment adherence among patients on antiretroviral treatment in Ha Noi and Hai Duong: current situation and potential predictors. J Pract Med. 2010;742,743:462-466.

Chương trình đào tạo cho các bác sĩ và các cán bộ y tế, những người có liên quan đến chăm sóc và điều trị HIV/AIDS, đã được bắt đầu. Nghiên cứu tập trung vào thiết kế và thực hiện các chương trình đào tạo cũng như thái độ và thực hành của cán bộ y tế đối với HIV/AIDS [357-360].

357. Quach L, Mayer K, McGarvey ST, Lurie MN, Do P. Knowledge, attitudes, and practices among physicians on HIV/AIDS in Quang Ninh, Vietnam. AIDS Patient Care STDS. 2005 May;19(5):335-46. (Abstract)
358. Krain AB, et al. Training physicians for antiretroviral (ARV) therapy scale-up in Vietnam. 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug 19-23; Colombo, Sri Lanka.
359. Medland N, Colby D, Gardener B, Do P, Lu D, Dang V, et al. Design, implementation and evaluation of a coordinated training program for physicians in Vietnam on HIV/AIDS clinical care and ARV treatment. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
360. Le S, Williams A, Jane B, Wu C, Duong H, Medland N, et al. Developing a TOT network for a continuing nursing education program in Vietnam. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City

6.2 Điều trị Lao/HIV và nhiễm trùng cơ hội

Việc chẩn đoán bệnh lao cho người nhiễm HIV vẫn còn nhiều thách thức do thông số lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán bệnh lao trên các các bệnh nhân HIV dương tính còn kém chính xác. Trong 5 năm qua, các nhà nghiên cứu đánh giá việc làm acid bacilli smear nhanh, nuôi cấy mycobacterium, chụp X-quang phổi và quan sát hiển vi độ nhạy với thuốc (MODS) để tìm ra quy trình tối ưu để trong chẩn đoán bệnh lao ở bệnh nhân nhiễm HIV [361-370].

361. Ha DT, Lan NT, Kiet VS, Wolbers M, Hang HT, Day J, et al. Diagnosis of pulmonary tuberculosis in HIV-positive patients by microscopic observation drug susceptibility assay. J Clin Microbiol. 2010 Dec;48(12):4573-9. (Abstract) (Full text)
362. Cain KP, McCarthy KD, Heilig CM, Monkongdee P, Tasaneeyapan T, Kanara N, et al. An algorithm for tuberculosis screening and diagnosis in people with HIV. N Engl J Med. 2010 Feb 25;362(8):707-16. (Abstract)(Full text)
363. Caws M, Dang TM, Torok E, Campbell J, Do DA, Tran TH, et al. Evaluation of the MODS culture technique for the diagnosis of tuberculous meningitis. PLoS One. 2007 Nov 14;2(11):e1173. (Abstract)(Full text)
364. Simmons CP, Thwaites GE, Quyen NT, Torok E, Hoang DM, Chau TT, et al. Pretreatment intracerebral and peripheral blood immune responses in Vietnamese adults with tuberculous meningitis: diagnostic value and relationship to disease severity and outcome. J Immunol. 2006 Feb 1;176(3):2007-14. (Abstract)(Full text)
365. Shah NS, Anh MH, Thuy TT, Duong Thom BS, Linh T, Nghia DT, et al. Population-based chest X-ray screening for pulmonary tuberculosis in people living with HIV/AIDS, An Giang, Vietnam. Int J Tuberc Lung Dis. 2008 Apr;12(4):404-10. (Abstract)
366. Monkongdee, P, McCarthy KD, Cain KP, Tasaneeyapan T, Nguyen HD, Nguyen TN, et al. Yield of acid-fast smear and mycobacterial culture for tuberculosis diagnosis in people with human immunodeficiency virus. Am J Respir Crit Care Med. 2009 Nov 1;180(9):903-8. (Abstract)(Full text)
367. Perlman DC, Leung CC, Yew WW. Diagnosing tuberculosis in patients with HIV: do we know enough? Am J Respir Crit Care Med. 2009 Nov 1;180(9):800-1. (Abstract)(Full text)
368. Checkley AM, Njalale Y, Scarborough M, Zjilstra EE. Sensitivity and specificity of an index for the diagnosis of TB meningitis in patients in an urban teaching hospital in Malawi. Trop Med Int Health. 2008 Aug;13(8):1042-6. (Abstract) (Full text)
369. Thorson A, Long NH, Larsson LO. Chest X-ray findings in relation to gender and symptoms: a study of patients with smear positive tuberculosis in Vietnam. Scand J Infect Dis. 2007;39(1):33-7. (Abstract)
370. Le HT, Varma JK. Expansion of provider-initiated HIV testing and counseling for TB patients to 14 provinces in Vietnam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.

Đồng nhiễm lao và HIV đã được thảo luận trong bối cảnh việc thành lập chương trình Kiểm soát bệnh lao quốc gia liên quan đến kháng thuốc, kết quả điều trị lao ở những bệnh nhân HIV, bệnh sinh và quản lý đồng nhiễm HIV/lao [371-385].

371. Quy HT, Cobelens FG, Lan NT, Buu TN, Lambreqts CS, Borgdorff MW. Treatment outcomes by drug resistance and HIV status among tuberculosis patients in Ho Chi Minh City, Vietnam. Int J Tuberc Lung Dis. 2006 Jan;10(1):45-51. (Abtract)

372. Thwaites GE, Duc Bang N, Huy Dung N, Thi Quy H, Thi Tuong Oanh D, Thi Cam Thoa N, et al. The influence of HIV infection on clinical presentation, response to treatment, and outcome in adults with Tuberculous meningitis. J Infect Dis. 2005 Dec 15;192(12):2134-41. (Abstract)(Full text)
373. Goldfeld A, Ellner JJ. Pathogenesis and management of HIV/TB co-infection in Asia. Tuberculosis (Edinb). 2007 Aug;87 Suppl 1:S26-30. (Abstract)
374. Huong NT, Duong BD, Co NV, Quy HT, Tung LB, Bosman M, et al. Establishment and development of the National Tuberculosis Control Programme in Vietnam. Int J Tuberc Lung Dis. 2005 Feb;9(2):151-6. (Abstract)
375. Vree M, Huong NT, Duong BD, Co NV, Sy DN, Cobelens FG, et al. High mortality during tuberculosis treatment does not indicate long diagnostic delays in Vietnam: a cohort study. BMC Public Health. 2007 Aug 16;7:210. (Abstract) (Full text)
376. van Maaren PJ. Fighting the tuberculosis epidemic in the Western Pacific region: current situation and challenges ahead. Kekkaku. 2010 Jan;85(1):9-16. (Abstract)
377. Quy HT, Buu TN, Cobelens FG, Lan NT, Lambregts CS, Borgdorff MW, et al. Drug resistance among smear-positive tuberculosis patients in Ho Chi Minh City, Vietnam. Int J Tuberc Lung Dis. 2006 Feb;10(2):160-6. (Abstract)
378. Khue PM, Phuc TQ, Hung NV, Jarlier V, Robert J. Drug resistance and HIV co-infection among pulmonary tuberculosis patients in Haiphong City, Vietnam. Int J Tuberc Lung Dis. 2008 Jul;12(7):763-8. (Abstract)
379. Ngo AT, Duc NH, Lan NH, Maynart M, Mayaud C, Quy TH. Mechanisms and causes of death in 143 Vietnamese HIV-infected patients hospitalized for tuberculosis. Rev Pneumol Clin. 2007 Jun;63(3):139-46. (Abstract)
380. Torok ME, Chau TT, Mai PP, Phong ND, Dung NT, Chuong LV, et al. Clinical and microbiological features of HIV-associated tuberculous meningitis in Vietnamese adults. PLoS One. 2008 Mar 19;3(3):e1772. (Abstract)(Full text)
381. Jubelt B. Dexamethasone for the treatment of tuberculous meningitis in adolescents and adults. Curr Neurol Neurosci Rep. 2006 Nov;6(6):451-2. (Abstract)
382. Thwaites GE, Nguyen DB, Nguyen HD, Hoang TQ, Do TT, Nguyen TC, et al. Dexamethasone for the treatment of tuberculous meningitis in adolescents and adults. N Engl J Med. 2004 Oct 21;351(17):1741-51. (Abstract)(Full text)
383. Le Minor O, Germaani Y, Chartier L, Lan NH, Lan NT, Duc NH, et al. Predictors of pneumocystosis or tuberculosis in HIV-infected Asian patients with AFB smear-negative sputum pneumonia. J Acquir Immune Defic Syndr. 2008 Aug 15;48(5):620-7.
384. Pham DQ, et al. Risk factors or tuberculosis infection among patients receiving ARV drugs. J Pract Med. 2010;742,743:481-484.
385. Nguyen NH, Ngo TB, Hoang TQ. A case study of ocular and lung Tuberculosis on HIV infected patient in Pham Ngoc Thach hospital. J Pract Med. 2010;742,743:466-470.

Nhiễm trùng và điều trị các bệnh nhiễm trùng cơ hội khác, chẳng hạn như biểu hiện ở miệng và cơ thể, penicilliosis, thiếu máu, và Cryptococcusneoformans trên các bệnh nhân HIV đã được đề cập [386-393]. Ngoài ra, hai nghiên cứu đã xem xét hành vi tìm kiếm chăm sóc y tế của quần thể nguy cơ cao [387-388].

386. Jensen TO, Tam VV, Mai NT, Ut do Q, Dat DD, Lien NT, et al. Oral and constitutional manifestations of HIV-infected hospital patients in Northern Vietnam. Southeast Asian J Trop Med Public Health. 2005 Nov;36(6):1459-68. (Abstract)
387. Thi Thu H, Ziersch A, Hart G. Healthcare-seeking behaviours for sexually transmitted infections among women attending the National Institute of Dermatology and Venereology in Vietnam. Sex Transm Infect. 2007 Aug;83(5):406-10. (Abstract)(Full text)
388. Ngo AD, Ratliff EA, McCurdy SA, Ross MW, Markham C, Pham HT. Health-seeking behaviour for sexually transmitted infections and HIV testing among female sex workers in Vietnam. AIDS Care. 2007 Aug;19(7):878-87. (Abstract)
389. Vu Hai, V, Ngo AT, Ngo VH, Nguyen QH, Massip P, Delmont J, et al. Penicilliosis in Vietnam: a series of 94 patients. Rev Med Interne. 2010 Dec;31(12):812-8. (Abstract)
390. Ngo AT, Pasquier C. Research about penicilliosis in HIV infection hospitalized patients at the infectious disease department, Viet-Tiep hospital. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
391. Vu H, Do N, Nguyen L, Tran Q, Sullivan P, del Rio C. Anemia among HIV-infected patients: prevalence, severity, associated factors, and mortality—Vietnam. 2005-2008. XVIII International AIDS Conference; 2010 Jul 18-23; Vienna, Austria
392. Nguyen TLH, Nguyen VK. Clinical manifestation of P. marneffei infection among AIDS patients treated at the National hospital for Tropical diseases. J Pract Med. 2010;742,743:385-388.
393. Le TPT, Nguyen HL, Chu TH. Clinical images and cerebrospinal fluid features of Cryptococcus neoformans among HIV infected patients. J Pract Med. 2010;742,743:428-430.

6.3 Kháng thuốc

Có 22 nghiên cứu, chủ yếu là tìm hiểu đặc trưng và lượng hóa kiểu gen HIV và các đột biến kháng thuốc. Đột biến kháng thuốc đã được nghiên cứu trên cả bệnh nhân không được điều trị và bệnh nhân thất bại điều trị. Cụ thể, kết quả nghiên cứu báo cáo thống nhất rằng tỷ lệ HIV-1 đột biến kháng thuốc trên các bệnh nhân điều trị HIV lần đầu tại Việt Nam là thấp (dưới 5%).Xét nghiệm kiểu gen ở những bệnh nhân điều trị ARV thất bại cho thấy rằng NRTI (nucleoside reverse transcriptase inhibitors) và NNRTI (non-nucleoside reverse transcriptase inhibitor) đột biến là phổ biến [394-415].

394. Dean J, Ta Thi TH, Dunford L, Carr MJ, Nguyen LT, Coughlan S, et al. Prevalence of HIV-1 antiretroviral drug resistance mutations in Vietnam—a multicentre study. AIDS Res Hum Retroviruses. 2011 Jul; 27(7):797-801. (Abstract)

395. Ishizaki A, Cuong NH, Thuc PV, Trung NV, Saijoh K, Kageyama S, et al. Profile of HIV type 1 infection and genotypic resistance mutations to antiretroviral drugs in treatment-naive HIV type 1-infected individuals in Hai Phong, Viet Nam. AIDS Res Hum Retroviruses. 2009 Feb;25(2):175-82. (Abstract)
396. Phan TT, Ishizaki A, Phung DC, Bi X, Oka S, Ichimura H. Characterization of HIV type 1 genotypes and drug resistance mutations among drug-naive HIV type 1-infected patients in Northern Vietnam. AIDS Res Hum Retroviruses. 2010 Feb;26(2):233-5. (Abstract)
397. Nguyen HT, Duc NB, Shrivastav R, Tran TH, Nguyen TA, Thang PH, et al. HIV drug resistance threshold survey using specimens from voluntary counselling and testing sites in Hanoi, Vietnam. Antivir Ther. 2008;13 Suppl 2:115-21. (Abstract)
398. Ayouba A, Lien TT, Nouhin J, Vergne L, Aghokeng AF, Ngo-Giang-Huong N, et al. Low prevalence of HIV type 1 drug resistance mutations in untreated, recently infected patients from Burkina Faso, Côte d'Ivoire, Senegal, Thailand, and Vietnam: the ANRS 12134 study. AIDS Res Hum Retroviruses. 2009 Nov;25(11):1193-6. (Abstract)
399. Fleury HJ, Toni T, Lan NT, Hung PV, Deshpande A, Recordon-Pinson P, et al. Susceptibility to antiretroviral drugs of CRF01_AE, CRF02_AG, and subtype C viruses from untreated patients of Africa and Asia: comparative genotypic and phenotypic data. AIDS Res Hum Retroviruses. 2006 Apr;22(4):357-66. (Abstract)
400. Pancino, G, Saec-Cirion A, Scott-Algara D, Paul P. Natural resistance to HIV infection: lessons learned from HIV-exposed uninfected individuals. J Infect Dis. 2010 Nov 1;202 Suppl 3:S345-50. (Abstract)(Full text)
401. Tanuma J, Hachiya A, Ishigaki K, Gatanaga H, Lien TT, Hien ND, et al. Impact of CRF01_AE-specific polymorphic mutations G335D and A371V in the connection subdomain of human immunodeficiency virus type 1 (HIV-1) reverse transcriptase (RT) on susceptibility to nucleoside RT inhibitors. Microbes Infect. 2010 Dec;12(14-15):1170-7. (Abstract)
402. Tran HK, Chartier L, Troung LX, Nguyen NN, Fontanet A, Barré-Sinoussi FE, et al. Systemic immune activation in HIV-1-exposed uninfected Vietnamese intravascular drug users. AIDS Res Hum Retroviruses. 2006 Mar;22(3):255-61. (Abstract)
403. L. Truong Giang, Thuy HT, Nhung VT, Liem NT, Khanh TH, Khanh LV, et al. ARV resistance in patients with treatment failure to first-line regimens in Ho Chi Minh City, Vietnam. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
404. Nguyen van K, Thi HL, Thi ND, Vinh TL, Thu TH. Viral loads and HIV drug resistance (HIVDR) patterns in ART patients with clinical or immunological failures at outpatient clinics in Ho Chi Minh City, Vietnam. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
405. Tanuma J, Ishigaki K, Hachiya A, Gatanaga H, Trung NV, Lien TTM, et al. Drug resistance mutations in patients with CRF01_AE HIV-1 failing antiretroviral therapy in Hanoi, Vietnam. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.

406. Nguyen TMT, Thuy CTT. Pilot surveillance of early warning indicators to monitor risks for HIV drug resistance at ART sites. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
407. Truong TXL, et al. Drug resistance among HIV infected patients in Ho Chi Minh City. J Pract Med. 2010;742,743:418-422.
408. Pham HN, et al. Genotype and HIV drug resistance mutations in HIV infected patients without ARV treatment in Hanoi in 2009. J Pract Med. 2010;742,743:471-474.
409. Pollack MT. A picture of HIV drug resistance in Viet Nam and the region. J Pract Med. 2010;742,743:637-640.
410. Ta TTH, et al. Prevalence of drug resistance mutations in a treatment—naive cohort of HIV -1 Individuals in Viet Nam. J Pract Med. 2010;742,743:526.
411. Ta TTH, et al. Prevalence of drug resistance mutations in HIV-1 individuals in Vietnam. J Pract Med. 2010;742,743:368-370.
412. Nguyen AT, et al. Threshold of HIV drug resistance using plasma and dry blood spots collected from voluntary counseling and testing centers in Ho Chi Minh City 2007-2008. J Pract Med. 2010;742,743:480.
413. Le VH. Antibiotic resistance of Chlamydia trachomatis from National Hospital of Dematology and Venereology from 2005-2009. J Pract Med. 2010;742,743:414-417.
414. Do TN, et al. Combining cohort analysis and HIV drug resistance early warning indicators to monitor antiretroviral therapy services in Viet Nam. J Pract Med. 2010;742,743:538-542.
415. Quang VM, Chinh NT, Huy VX, Chau NVV, Chi NH, Nhung VTT, et al. HIV drug resistance and virological response in treatment-naive HIV patients in a developing country: what is the implication? 6th IAS Conference on HIV Pathogenesis, Treatment and Prevention; 2011 Jul 17-20; Rome, Italy.

6.4. Chăm sóc, hỗ trợ và ngăn chặn sự kỳ thị và phân biệt đối xử với người nhiễm HIV

Chăm sóc người nhiễm HIV đã được khởi xướng, với nhiều nội dung khác nhau, bao gồm chăm sóc giảm nhẹ, chăm sóc liên tục, chăm sóc tại nhà và tại cộng đồng [416-448].

416. Green K, Tuan T, Hoang TV, Trang NN, Ha NT, Hung ND. Integrating palliative care into HIV outpatient clinical settings: preliminary findings from an intervention study in Vietnam. J Pain Symptom Manage. 2010 Jul;40(1):31-4. (Abstract)
417. Krakauer EL, Ngoc NT, Green K, Van Kham L, Khue LN. Vietnam: integrating palliative care into HIV/AIDS and cancer care. J Pain Symptom Manage. 2007 May;33(5):578-83. (Abstract)
418. Krakauer, E.L, N.T. Cham, and L.N. Khue, Vietnam's palliative care initiative: successes and challenges in the first five years. J Pain Symptom Manage. 2010;40(1):27-30. (Abstract)

419. de Loenzien M. Implementation of a continuum of care for people living with HIV/AIDS in Hanoi (Vietnam). Sante. 2009 Jul-Sep;19(3):141-8. (Abstract)
420. Green K, Tran T, Vu HT, Nguyen TN, Ngoc PV, Nguyen TH, et al. HIV, pain and drug use: under-treatment and fear of medical opioid use among PLHIV and health care workers in Vietnam. XVIII International AIDS Conference; 2010 Jul 18-23; Vienna, Austria.
421. Luong TT, Pham MT. Community and home based care and support model for PLHIV In Ha Long city, Vietnam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
422. Krakauer EL, Cham NTP, Ngoc NTM, Green K, Phuong PT, Thi CP, et al. Integrating palliative care into HIV/AIDS care in Vietnam: a national public health approach. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
423. Vu NP, et al. Palliative care needs of people with HIV in Vietnam: findings from a rapid situational analysis. 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug 19-23; Colombo, Sri Lanka.
424. Green K. Model for integrating family-centered care into HIV clinical services and the community in Vietnam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
425. Van PTH. Improve the treatment effectiveness by capacity building for self-help groups of people living with HIV. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
426. Tran QH, Nguyen TL. Efficacy of community-based care, treatment and support for people living with HIV and AIDS in three provinces. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
427. Pham TH. Flamboyant flowers: a group of people living with HIV creating strong and lasting change in Viet Nam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
428. Dinh MN, et al. Comprehensive HIV care and prevention: an integration approach of Le Chan District, Hai Phong City. 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug 19-23; Colombo, Sri Lanka.
429. Pham DM, van der Velden T, Chien TN, Hoang AM, Ngoc BL, Van HN. Can private sector increase access to STI services of the most at-risk population (MARP)? evidence from Vietnam. XVIII International AIDS Conference; 2010 Jul 18-23; Vienna, Austria.
430. Nguyen THB. Think from the head but act from the heart: the PLHIV Empathy Club network in Viet Nam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
431. Do DD, Nguyen TTL. The roles and importance of network of people living with HIV/AIDS. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
432. Duong TT. Investigation of knowledge, attitude and practice in the care of the family of HIV/AIDS patients in Ca Mau province in 2007. J Pract Med. 2010;742,743:571-575.

433. Duong TT. Survey of knowledge, attitudes and care-giving behaviours of relatives of people living with HIV/AIDS in Ca Mau Province in 2007. J Pract Med. 2010;742,743:111-115.
434. Tran XB, et al. Determinants of health-related quality of life in adults with HIV/AIDS in Viet Nam. J Pract Med. 2010;742,743:640-645.
435. Tran TBT, Nguyen TL, Nguyen CK. Knowledge, attitudes and practice towards nutrition among HIV infected women in Hanoi. J Pract Med. 2010;742,743:134-138.
436. Tran TBT, et al. Uptake of vitamins and minerals among HIV infected women in Hanoi in 2008. J Pract Med. 2010;742,743:152-156.
437. Nguyen NNT, et al. A need assessment oF PLHA self-help and supported groups (SSGs) in Viet Nam. J Pract Med. 2010;742,743:622-625.
438. Nguyen VK, Study on care, treatment and management of children infected and affected by HIV/AIDS at Ha Noi Center for Education—Social Labor II in 2007. J Pract Med. 2010;742,743:485-488.
439. Phan TP, et al. Establishing a continuum of care in Dien Bien: preliminary results. J Pract Med. 2010;742,743:507-509.
440. Nguyen TTM, Ho TH. Obstacles to HIV care and supports for injecting drug users in Hai Ba Trung District, Hanoi in 2009. J Pract Med. 2010;742,743:599-601.
441. Messersmith L, et al. Improve access to and quality of health and social services for women living with HIV in Hai Phong and Ho Chi Minh City. J Pract Med. 2010;742,743:557-561.
442. Nguyen TN, et al. Factors associated with the failure to seek HIV care and treatment among HIV-positive women in Hai Phong. J Pract Med. 2010;742,743:518-522.
443. Nguyen TTH, et al. Integrating palliative care into HIV outpatient clinical settings: preliminary findings from a longitudinal study in Viet Nam. J Pract Med. 2010;742,743:515-517.
444. FHI, Ministry of Health/VAAC, PEPFAR. Community and home-based care in Viet Nam: findings and recommendations from a rapid assessment. 2009. Available at: http://www.fhi360.org/NR/rdonlyres/eipvd7xpozuuv2fahngv-co7hd56bagz5kesspc4gpfdkjo5ljfkxwib2bavaegcfwvv7icesvoltnp/RSAReportEng.pdf
445. Green K, Kinh LN, Khue LN. Palliative care in Viet Nam: Findings from a rapid situation analysis in five provinces. Research Triangle Park (NC): FHI; 2006. 70 p.
446. Nguyen, N, D. Nguyen, and D.T. Vu, Dien Bien HIV Continuum-of-Care Model Rapid Assessment: Findings and Recommendations. 2010.
447. FHI, Ministry of Health/VAAC, PEPFAR. The palliative care intervention study in Quang Ninh, 2011.
448. FHI, Ministry of Health/VAAC, PEPFAR. The qualitative study on out-of-care PLHIV, 2011.

Khía cạnh phân biệt đối xử và kỳ thị đã được nghiên cứu kỹ lưỡng, chủ yếu là sử dụng phương pháp định tính. Mặc dù đã có các luật nghiêm ngặt bảo vệ PLHIV, các nghiên cứu cho thấy rằng PLHIV vẫn bị phân biệt đối cả trong cộng đồng và trong cơ sở chăm sóc y tế [449-474].

449. Salter ML, Go VF, Minh NL, Gregowski A, Ha TV, Rudolph A, et al. Influence of perceived secondary stigma and family on the response to HIV infection among injection drug users in vietnam. AIDS Educ Prev. 2010 Dec;22(6):558-70. (Abstract)(Full text)
450. Small D. Love as harm reduction: fighting AIDS and stigma in Vietnam. Harm Reduct J. 2009 Dec 3; 6:34. (Abstract)(Full text)
451. Gaudine A, Gien L, Thuan TT, Dung do V. Perspectives of HIV-related stigma in a community in Vietnam: a qualitative study. Int J Nurs Stud. 2010 Jan;47(1):38-48. (Abstract)
452. Thi MD, Brickley DB, Vinh DT, Colby DJ, Sohn AH, Trung NQ, et al. A qualitative study of stigma and discrimination against people living with HIV in Ho Chi Minh City, Vietnam. AIDS Behav. 2008 Jul;12(4 Suppl):S63-70. (Abstract)
453. Oosterhoff P, Anh NT Yen PN, Wright P, Hardon A. Recreating kinship: Coping options of HIV+ AIDS widows in Vietnam. Health Care Women Int. 2010 Jan;31(1):17-36. (Abstract)
454. Vijeyarasa R. The state, the family and language of 'social evils': re-stigmatising victims of trafficking in Vietnam. Cult Health Sex. 2010 Aug;12 Suppl 1:S89-102. (Abstract)
455. Gaudine A, Gien L, thuan TT, Dung do V. Developing culturally sensitive interventions for Vietnamese health issues: an action research approach. Nurs Health Sci. 2009 Jul;11(2):150-3. (Abstract)
456. Khoat DV, Hong LD, An CQ, Ngu D, Reidpath DD. A situational analysis of HIV/AIDS-related discrimination in Hanoi, Vietnam. AIDS Care. 2005 Jul;17 Suppl 2:S181-93. (Abstract)
457. Reidpath DD, Brijnath B, Chan KY. An Asia Pacific six-country study on HIV-related discrimination: introduction. AIDS Care. 2005 Jul;17 Suppl 2:S117-27. (Abstract)
458. Huy TQ, Johansson A, Long NH. Reasons for not reporting deaths: a qualitative study in rural Vietnam. World Health Popul. 2007 Jan;9(1):14-23. (Abstract)
459. Gaudine A, Gien L, thuan TT, Dung do V. An action research approach to developing culturally relevant interventions: the stigma of HIV in a Vietnamese community. Can J Nurs Res. 2007 Sep;39(3):195-7.
460. Nguyen TVA, Hong KT, Nyblad L, Jain A, Thao NTP, Douglas Z, et al. Building partnerships with communities to reduce stigma: results of a two year community-led stigma-reduction program. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
461. Duong CT, et al. Care and support for people living with HIV/AIDS in Vietnam: the impact of stigma and discrimination. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
462. Khuat THO, Ashburn K, Pulerwitz J, Ogden J, Nyblade L. Improving quality of care for people living wtih HIV by reducing stigma and discrimination

in Vietnamese hospitals. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
463. Pharris A, Tishelman C, Huyen DT, Chuc NTK, Thorson A. The 'infected innocent': gender roles and stigma among women living with HIV in Vietnam. XVIII International AIDS Conference; 2010 Jul 18-23; Vienna, Austria.
464. Nguyen HL, Ong VT, Pham TL, Do DD. People living with HIV/AIDS empowerment in fighting stigma and discrimination in Vietnam. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
465. Nguyen TBV. Reduce HIV/AIDS-related stigma and discrimination through community based activities: experience in two Northern provinces of Vietnam. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
466. Pham QT. Reducing HIV stigma and discrimination by gaining initial political support: a lesson from Viet Nam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
467. Nguyen HN. Stigmatizing language in Vietnamese against PLHAs—a preliminary study. 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug 19-23; Colombo, Sri Lanka.
468. Tran Huy D, Nguyen TH. Discrimination: a major barrier in Vietnam. XVIII International AIDS Conference; 2010 Jul 18-23; Vienna, Austria.
469. Tung ND, Thuy NTT, Tue NT, Hammett TM, Thanh DD. Promote legal services and its accessibility to protect human rights of PLHIV in Vietnam. XVIII International AIDS Conference; 2010 Jul 18-23; Vienna, Austria.
470. Ngo TTT. Providing legal services to address HIV/AIDS-related discrimination in Vietnam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
471. Murphy E, et al. Hitting the nail on the head: creation of an anti-stigma and discrimination toolkit for MSM. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
472. Messersmith L, Semrau K, Tran LA, Nguyen NT, Dao MH, Eifler K, et al. Contested sexual and reproductive rights of women living with HIV in Vietnam: experience with health care providers and family members in sexual health decision-making. XVIII International AIDS Conference; 2010 Jul 18-23; Vienna, Austria.
473. Luu BN. Vietnamese families face HIV/AIDS: attitude of stigmatization. J Pract Med. 2010;742,743:590-592.
474. Messersmith LJ, Semrau K. National study to document the levels and types of discrimination against people living with HIV/AIDS in Vietnam, 2010.

Các nghiên cứu khác đánh giá hiệu quả của các nhóm tự lực, mạng lưới hoạt động và trao quyền cho cộng đồng trong việc hỗ trợ PLHIV [475-479].

475. Nguyen TTH. Training people living with HIV/AIDS as healthcare workers in the fight against AIDS. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.

476. Messersmith L, Sabin L, Tran LA, Nguyen NT, Dao MH, Eifler K, et al. Addressing gender-based violence and the reproductive health needs of women living with HIV/AIDS in Vietnam: an evaluation of interventions to improve health and social services. XVIII International AIDS Conference; 2010 Jul 18-23; Vienna, Austria.
477. Tran Q. Evaluating the impact of self-help clubs for people infected and affected by HIV/AIDS in Vietnam. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
478. Luong TT, Nguyen MK. Empowerment for PLHIV in Vietnam through networking activities. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
479. Tran T. Mitigating the impact of HIV/AIDS in Vietnam through the empowerment of the communities. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.

VII. Lãnh đạo và quản lý

7.1 Khoa học quản lý trong dự phòng và kiểm soát HIV/AIDS

Lãnh đạo và quản lý HIV/AIDS ở cấp quốc gia là rất quan trọng trong cuộc chiến chống lại dịch HIV . Ý nghĩa của HIV/AIDS vượt ra ngoài cá thể nhiễm, ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế xã hội. Mặc dù vậy, các nghiên cứu về ảnh hưởng này vẫn còn hạn chế.

Các chủ đề trong quản lý HIV phân tán, bao gồm cả việc tối đa hóa quá trình giám sát quốc tế, nâng cao hiểu biết về quá trình thực hiện chính sách và các rào cản, tích hợp hệ thống y tế và các can thiệp y tế, phân tích sự phát triển của các chính sách về HIV tại Việt Nam, và tăng cường năng lực lãnh đạo [480-502].

480. Conseil A, Mounier-Jack S, Coker R. Integration of health systems and priority health interventions: a case study of the integration of HIV and TB control programmes into the general health system in Vietnam. Health Policy Plan. 2010 Nov;25 Suppl 1:i32-36. (Abstract)(Full text)
481. Nguyen Ha P, Phararis A, Huong NT, Chuc NT, Brugha R, Thorson A. The evolution of HIV policy in Vietnam: from punitive control measures to a more rights-based approach. Glob Health Action. 2010 Aug 28;3. (Abstract)(Full text)
482. Utyasheva L, Pearshouse R, Betteridge G. Developments in HIV/AIDS legislation. HIV AIDS Policy Law Rev. 2006 Dec;11(2-3):35-7. (Abstract)
483. Hammett TM, Wu Z, Duc TT, Stephens D, Sullivan S, Liu W, et al. 'Social evils' and harm reduction: the evolving policy environment for human immunodeficiency virus prevention among injection drug users in China and Vietnam. Addiction. 2008 Jan;103(1):137-45. (Abstract)
484. Vietnam aims to alleviate HIV prevalence. Expert Rev Anti Infect Ther. 2007 Apr;5(2):169-70. (Abstract)(Full text)
485. Giang LM, Huong NT. 'New bottle, but old wine': from family planning to HIV/AIDS in post-Doi Moi Vietnam. Glob Public Health. 2008;3 Suppl 2:76-91. (Abstract)
486. Ray R. National drug abuse situation in Vietnam—how accurate are the projections? Addiction. 2008 Apr; 103(4):544-5. (Abstract)
487. Ross J, Brown T, Young F. The analysis and advocacy (a-squared) project in Bangladesh, China, Thailand and Vietnam: successful evidence-based HIV policy development in varied policy environments. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
488. Gruskin S, Ferguson L, Peersman G, Andreeva V, Fontaine C, Pascom AR, et al. Monitoring the monitoring: maximizing the value at national-level of international monitoring processes. XVIII International AIDS Conference; 2010 Jul 18-23; Vienna, Austria.

489. Duc TT, Stephens D, Spratt K, Kapadia-Kundu N, Tran HTT. Contrasting the processes of OVC policy development and policy implementation in Vietnam: results from a study on barriers to policy implementation. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
490. Messersmith L, Tran HB, Truong QT, Montagu D, La H, Eifler K, et al. Strengthening multisectoral leadership and engagement on HIV/AIDS in Vietnam: evidence from an evaluation of AIDS policy training in six provinces. XVIII International AIDS Conference; 2010 Jul 18-23; Vienna, Austria.
491. Nguyen TH. Strengthening capacity for the leadership in planning public policy on HIV/AIDS prevention and control. 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug 19-23; Colombo, Sri Lanka.
492. Nguyen TA, Nguyen HD. Advocacy to enforce the Vietnamese law on HIV/AIDS to protect migrants and mobile populations. 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug 19-23; Colombo, Sri Lanka.
493. Khuat THO. Coming to the party: civil society participation in drafting the Viet Nam UNGASS report 2008. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
494. Khuat THO. The politics of intellectual property rights: people and corporate interest. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
495. Kakkar R, et al. Rapid scale up of LIS: MOH Vietnam supporting use of open source tools. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
496. Nguyen TPM, Dinh SH, Chu HA. Advocacy workshops for leaders at provincial and district levels in central Viet Nam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
497. Nguyen D, Nguyen L, Do H. Advocacy for a legal framework for cross-border interventions for migrants and mobile populations in Vietnam. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
498. Nguyen D, Nguyen L, Nguyen S, Vu T. Advocacy for pre-departure training on HIV/AIDS and STIs for Vietnamese migrant workers. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
499. Nguyen HL, Nguyen HD, Ong VT, Trieu TTL. Meaningful involvement of migrants and mobile populations in HIV-related policy development in Vietnam. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
500. Nguyen TL, et al. Situation assessment and solutions to improve the capacity of PACs. J Pract Med. 2010;742,743:568-571.
501. Chu TP. Improving data quality to maximize using in program planning and managing, experience from PACT Viet Nam. J Pract Med. 2010;742,743:626-628.
502. Arnolda G, et al. Situation analysis—data use for decision making on adoption of HIV/AIDS policies and plans, programming and financing, 2010.

7.2 Huy động cộng đồng trong dự phòng và kiểm soát HIV/AIDS

Một số nghiên cứu đề cập đến việc tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong cuộc chiến chống lại HIV/AIDS [503-512].

503. Le NB, et al. Public-private partnership in fighting HIV/AIDS in Vietnam: turning assessment findings into action. 8th International Conference on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug 19-23; Colombo, Sri Lanka.
504. Le QN, et al. Empowering the most vulnerable adolescents and youth to prevent HIV. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
505. Le TTD, Vu ML. Vietnam's 'gems': Young men becoming more gender equitable to prevent HIV. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
506. Do NK, Le TTD. New leadership: vocational schools and students mobilize to prevent HIV in Vietnam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
507. Pham HH, Esch VS. Dance4Life: an innovative global youth project creating one million agents of change by 2015. 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug 19-23; Colombo, Sri Lanka.
508. Tran BT. Community mechanisms for mitigating the impact of HIV/AIDS in Vietnam. 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug 19-23; Colombo, Sri Lanka.
509. Khuat O. Vietnam civil society partnership platform of civil society—an innovative approach for improved accountability and effectiveness of the national response to HIV/AIDS. XVII International AIDS Conference; 2008 Aug 3-8; Mexico City.
510. Chu QA. Assessment on HIV/AIDS prevention situation in Phap Van and Bo De pagodas, Hanoi. J Pract Med. 2010;742,743:546-556.
511. Nguyen TH. Evaluation of HIV/AIDS knowledge among officials and statistical staffs at commune level in Phu Yen in 2009. J Pract Med. 2010;742,743:116-120.
512. Nguyen VH. Solutions for HIV prevention and capacity building for local officials. J Pract Med. 2010;742,743:602-604

7.3 Kinh tế y tế và HIV/AIDS

Một số nghiên cứu đã trình bày những khía cạnh về kinh tế của dịch HIV/AIDS. Các nghiên cứu này đánh giá chi phí tích kiệm được khi sử dụng các thuốc kháng virus gốc [513] và chi phí-hiệu quả của chương trình phòng lây truyền mẹ con [517]. Cả hai đều được thực hiện ở cấp độ quốc tế, trong tất cả 15 quốc gia nhận được tài trợ PEPFAR từ chính phủ Mỹ. Các nghiên cứu về các khía cạnh kinh tế của dịch HIV/AIDS ở cấp quốc gia vẫn còn ít được đề cập [513-520].

513. Holmes CB, Coggin W, Jamieson D, Mihm H, Granich R, Savio P, et al. Use of generic antiretroviral agents and cost savings in PEPFAR treatment programs. JAMA. 2010 Jul 21; 304(3):313-20. (Abstract)(Full text)
514. Mills S. The political economy of men's HIV risk in Vietnam and intervention choices. Am J Public Health. 2008 Oct;98(10):1734-5. (Abstract)(Full text)
515. Phinney HM. "Rice is essential but tiresome; you should get some noodles": Doi Moi and the political economy of men's extramarital sexual relations and marital HIV risk in Hanoi, Vietnam. Am J Public Health. 2008 Apr;98(4):650-60. (Abstract)(Full text)
516. Reynolds HW, Janowitz B, Wilcher R, Cates W. Contraception to prevent HIV-positive births: current contribution and potential cost savings in PEPFAR countries. Sex Transm Infect. 2008 Oct;84 Suppl 2:ii49-53. (Abstract)
517. Auld AF, Bolu O, Creek T, Lindegren ML, Rivadeneira E, Dale H, et al. Potential impact and cost-effectiveness of the 2009"rapid advice"PMTCT guidelines—15 resource-limited countries, 2010. XVIII International AIDS Conference; 2010 Jul 18-23; Vienna, Austria.
518. Tran XB, Duong TA, Nguyen TL. Cost-effectiveness of addiction treatment with methadone for HIV/AIDS prevention, care and treatment in Vietnam. J Pract Med. 2010;742,743:604-608.
519. Bui DD, et al. Estimation of the needs and budget for ARVs in Vietnam (2011-2015). J Pract Med. 2010;742,743:646-648.
520. Phong NT, et al. Out of pocket health expenditures of people living with HIV/AIDS: preliminary results of a national survey. 4th National Scientific Conference on HIV/AIDS; 2010 Dec 2-3; Hanoi, Vietnam.

7.4. Ảnh hưởng của HIV/AIDS đến sự phát triển kinh tế xã hội

Tác động kinh tế - xã hội của dịch HIV/AIDS đã được nghiên cứu bằng cách điều tra những ảnh hưởng và hậu quả của HIV/AIDS trên người nhiễm và gia đình của họ như nạo phá thai ở những phụ nữ HIV dương tính, nhu cầu việc làm, trầm cảm ở những người nhiễm HIV, và ảnh hưởng ở những người lớn tuổi phải chăm sóc cho bệnh nhân bị nhiễm HIV [521-530].

521. Chi BK, Hanh NT, Rasch V, Gammeltoft T. Induced abortion among HIV-positive women in Northern Vietnam: exploring reproductive dilemmas. Cult Health Sex. 2010 Aug;12 Suppl 1: S41-54. (Abstract)
522. Bui KC, Gammeltoft T, Nguyen TT, Rasch V. Induced abortion among HIV-positive women in Quang Ninh and Hai Phong, Vietnam. Trop Med Int Health. 2010 Oct;15(10):1172-8. (Abstract)
523. Esposito CA, Steel Z, Gioi TM, Huyen TT, Tarantola D. The prevalence of depression among men living with HIV infection in Vietnam. Am J Public Health. 2009 Oct;99 Suppl 2:S439-44. (Abstract)

524. Tran T. Research on the impact of HIV/AIDS on older people and the role of older carers in Vietnam. XVIII International AIDS Conference; 2010 Jul 18-23; Vienna, Austria.
525. Dreezens J. Survive or living with HIV/AIDS in Vietnam – a socio-economical perspective. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
526. Nguyen TN, Vu SH. Impact of HIV infection on the lives of people living with HIV/AIDS in Vietnam. 9th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2009 Aug 9-13; Bali, Indonesia.
527. Tran NQ. Banking on families affected by HIV/AIDS in Vietnam. 8th International Congress on AIDS in Asia and the Pacific; 2007 Aug 19-23; Colombia, Sri Lanka.
528. Tran Q. Enhancing the resilience of families affected by HIV/AIDS in Vietnam. XVIII International AIDS Conference; 2010 Jul 18-23; Vienna, Austria.
529. Luu BN. Coping with HIV/AIDS within the families: a case study in Ha Long, Quang Ninh. J Pract Med. 2010;742,743:587-589.
530. Dam TTH, et al. Survey on employment need and related capacity of people living with HIV and drug users in Hanoi. J Pract Med. 2010;742,743:565-567.

Các nguồn thông tin

International Aids Society: Abstract Archive [Internet]. Geneva, Switzerland; ©2012 [cited 2012 May 15]. Available from: http://www.iasociety.org/AbstractSearch.aspx

PubMed [Internet]. Bethesda (MD): National Center for Biotechnology Information, National Library of Medicine (US); [updated 2012 Mar 28; cited 2012 May 15]. Available from: http://www.ncbi.nlm.nih.gov/pubmed/